

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

---



ISO 9001:2008

# **KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP**

**NGÀNH: KẾ TOÁN - KIỂM TOÁN**

**Sinh viên : Phạm Thị Nhân**

**Giảng viên hướng dẫn : ThS. Lương Khánh Chi**

**HẢI PHÒNG - 2013**

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

-----

**HOÀN THIỆN TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN  
CHI PHÍ, DOANH THU VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ  
KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG  
& THƯƠNG MẠI NAM SƠN**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY  
NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN**

**Sinh viên : Phạm Thị Nhàn**

**Giảng viên hướng dẫn: ThS. Lương Khánh Chi**

**HẢI PHÒNG - 2013**

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

---

**NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP**

Sinh viên : Phạm Thị Nhân Mã SV: 1354010011

Lớp : QT1302K Ngành: Kế toán – Kiểm toán

Tên đề tài : Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán chi phí, doanh thu và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Xây dựng & Thương mại Nam Sơn

# NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

## **1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp**

**( về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ).**

–Khái quát được những lý luận cơ bản về tổ chức công tác chi phí, doanh thu và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

–Phản ánh được thực trạng công tác kế toán chi phí, doanh thu và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Xây dựng & Thương mại Nam Sơn.

–Đánh giá được những kết quả đạt được và hạn chế của tổ chức công tác kế toán chi phí, doanh thu và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Xây dựng & Thương mại Nam Sơn. Trên cơ sở đó đưa ra những giải pháp hoàn thiện.

## **2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán.**

Sử dụng số liệu năm 2012 của Công ty TNHH Xây dựng & Thương mại Nam Sơn.

## **3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp.**

Công ty TNHH Xây dựng & Thương mại Nam Sơn

Thôn Mỹ Tranh - Nam Sơn – An Dương – Hải Phòng

## CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

### Người hướng dẫn thứ nhất:

Họ và tên: Lương Khánh Chi

Học hàm, học vị: Thạc sĩ

Cơ quan công tác: Trường Đại học Hải Phòng

Nội dung hướng dẫn: Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán chi phí, doanh thu và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Xây dựng & Thương mại Nam Sơn.

### Người hướng dẫn thứ hai:

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị:.....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày 25 tháng 03 năm 2013

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày 29 tháng 06 năm 2013

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

*Sinh viên*

**Phạm Thị Nhàn**

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

*Người hướng dẫn*

**ThS. Lương Khánh Chi**

**Hải Phòng, ngày ..... tháng.....năm 2013**

**Hiệu trưởng**

**GS.TS. NGUYỄN Trần Hữu Nghị**

# MỤC LỤC

## LỜI MỞ ĐẦU

### CHƯƠNG 1: NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN CHI PHÍ, DOANH THU, ..... 3

#### 1.1.Những vấn đề chung về tổ chức công tác kế toán chi phí, doanh thu và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp..... 3

##### 1.1.1..Sự cần thiết phải tổ chức kế toán chi phí, doanh thu và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp..... 3

##### 1.1.2. Các khái niệm cơ bản ..... 4

##### 1.1.3. Nhiệm vụ của kế toán chi phí, doanh thu và xác định kết quả kinh doanh..... 7

#### 1.2..Nội dung tổ chức công tác kế toán chi phí, doanh thu, kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp..... 8

##### 1.2.1. Kế toán chi phí ..... 8

##### 1.2.1.1. Kế toán giá vốn hàng bán..... 8

##### 1.2.1.2. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh ..... 14

##### 1.2.1.3. Kế toán chi phí tài chính ..... 16

##### 1.2.1.4. Kế toán chi phí khác..... 18

##### 1.2.2. Kế toán doanh thu và thu nhập..... 20

##### 1.2.2.1..Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu nội bộ và các khoản giảm trừ doanh thu ..... 20

##### 1.2.2.2. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính ..... 24

##### 1.2.2.3. Kế toán thu nhập khác..... 26

##### 1.2.3. Kế toán xác định kết quả kinh doanh..... 28

##### 1.2.4. Tổ chức sổ kế toán chi phí, doanh thu và xác định kết quả kinh doanh..... 31

### CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN CHI PHÍ, DOANH THU VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI NAM SƠN..... 35

#### 2.1. Tổng quan về công ty TNHH Xây dựng & Thương mại Nam Sơn ..... 35

##### 2.1.1. Giới thiệu khái quát về công ty ..... 35

2.1.2. Đặc điểm sản xuất kinh doanh của Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Nam Sơn.....	36
2.1.3. Tổ chức bộ máy quản lý của Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Nam Sơn.....	37
2.1.4. Tổ chức công tác kế toán tại Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Nam Sơn.....	40
2.2. Thực trạng tổ chức công tác kế toán chi phí, doanh thu và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Nam Sơn .....	42
2.2.1. Kế toán chi phí .....	42
2.2.1.1. Kế toán giá vốn hàng bán.....	43
2.2.1.2. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh .....	52
2.2.1.3. Kế toán chi phí hoạt động tài chính .....	61
2.2.1.4. Kế toán chi phí khác.....	66
2.2.2. Kế toán doanh thu .....	71
2.2.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ .....	71
2.2.2.2. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính .....	83
2.2.2.3. Kế toán thu nhập khác.....	87
2.2.3. Kế toán xác định kết quả kinh doanh.....	93
<b>CHƯƠNG 3: MỘT SỐ BIỆN PHÁP HOÀN THIỆN TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN CHI PHÍ, DOANH THU VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI NAM SƠN .....</b>	<b>103</b>
3.1. Đánh giá chung về công tác kế toán chi phí, doanh thu và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Xây dựng & Thương mại Nam Sơn .....	103
3.1.1. Kết quả .....	103
3.1.2. Hạn chế.....	104
3.2. Một số biện pháp hoàn thiện tổ chức công tác kế toán chi phí, doanh thu và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Nam Sơn.....	106

3.2.1. Sự cần thiết phải hoàn thiện tổ chức công tác kế toán chi phí, doanh thu và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Nam Sơn.....	106
3.2.2. Một số biện pháp hoàn thiện tổ chức công tác kế toán chi phí, doanh thu và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Xây dựng & Thương mại Nam Sơn.....	107
3.2.2.1. Về việc luân chuyển chứng từ.....	107
3.2.2.2. Về việc áp dụng các chính sách ưu đãi .....	107
3.2.2.3. Về việc ứng dụng kỹ thuật vào công tác kế toán .....	109
<b>KẾT LUẬN</b> .....	<b>112</b>
<b>DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO</b> .....	<b>113</b>



## LỜI MỞ ĐẦU

Trong điều kiện nền kinh tế thị trường ngày càng cạnh tranh gay gắt, doanh nghiệp muốn tồn tại, vươn lên thì trước hết đòi hỏi kinh doanh phải có hiệu quả. Hiệu quả kinh doanh càng cao thì doanh nghiệp càng có điều kiện phát triển, cải thiện và nâng cao đời sống người lao động, thực hiện tốt nghĩa vụ với ngân sách Nhà nước.

Với xu thế phát triển của xã hội và của nền kinh tế, việc quan tâm đến chi phí, doanh thu là vấn đề hàng đầu trong việc đảm bảo hiệu quả và nâng cao hiệu quả kinh doanh. Để có thể tồn tại và phát triển được trên thị trường đòi hỏi doanh nghiệp phải có sự phối hợp nhịp nhàng, chặt chẽ giữa các khâu trong tổ chức công tác kế toán, đặc biệt là tổ chức công tác kế toán chi phí, doanh thu và xác định kết quả kinh doanh. Có như vậy các nhà quản lý mới nắm rõ được tình hình tiêu thụ, các chi phí bỏ ra và kết quả kinh doanh thu được trong doanh nghiệp của mình, từ đó mới có thể đề ra các chiến lược kinh doanh phù hợp.

Qua thời gian thực tập tại Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Nam Sơn, em đã có dịp tìm hiểu thực tế và biết rõ hơn về công tác kế toán cũng như tầm quan trọng của nó, đặc biệt là công tác kế toán chi phí, doanh thu và xác định kết quả kinh doanh. Vì vậy em chọn đề tài "Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán chi phí, doanh thu và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Nam Sơn" cho bài khóa luận của mình.

Khoá luận tốt nghiệp của em chia làm 3 chương:

Chương 1: Những vấn đề lý luận cơ bản về tổ chức công tác kế toán chi phí, doanh thu và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

Chương 2: Thực trạng tổ chức công tác kế toán chi phí, doanh thu và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Nam Sơn.

Chương 3: Một số biện pháp hoàn thiện tổ chức công tác kế toán chi phí, doanh thu và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Nam Sơn.

Mặc dù đã cố gắng nghiên cứu, tìm hiểu và nhận được sự giúp đỡ nhiệt tình của các cô chú, anh chị trong phòng kế toán và dưới sự hướng dẫn của cô giáo ThS. Lương Khánh Chi, em đã phần nào nắm được tình hình thực tế công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của công ty, tuy nhiên do trình độ lý luận và thời gian tiếp cận thực tế còn hạn chế nên bài viết của em không thể tránh khỏi những sai sót. Em mong nhận được sự đóng góp và ý kiến của các thầy cô giáo để bài viết của em được hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn!

Hải Phòng, ngày 29 tháng 6 năm 2013

Sinh viên

***Phạm Thị Nhàn***

# **CHƯƠNG 1: NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN CHI PHÍ, DOANH THU, KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP**

## **1.1. Những vấn đề chung về tổ chức công tác kế toán chi phí, doanh thu và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp**

### **1.1.1. Sự cần thiết phải tổ chức kế toán chi phí, doanh thu và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp**

Chi phí là tổng giá trị làm giảm lợi ích kinh tế trong một thời kỳ dưới hình thức các khoản tiền đã chi ra, các khoản giảm trừ vào tài sản hoặc phát sinh các khoản nợ làm giảm vốn chủ sở hữu.

Doanh thu là nguồn tài chính để đảm bảo trang trải các khoản chi phí trong hoạt động kinh doanh, để đảm bảo cho doanh nghiệp có thể tái sản xuất giản đơn cũng như tái sản xuất mở rộng. Doanh thu cũng là nguồn để các doanh nghiệp có thể thực hiện nghĩa vụ với Nhà nước như nộp các khoản thuế theo quy định, là nguồn để tham gia góp vốn... Ý nghĩa quan trọng nhất của doanh thu được thể hiện thông qua quá trình tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ... Nó có vai trò quan trọng không chỉ đối với mỗi đơn vị kinh tế mà còn đối với toàn bộ nền kinh tế

Kết quả kinh doanh là khâu cuối cùng của hoạt động sản xuất kinh doanh và các hoạt động khác của doanh nghiệp sau một thời kỳ nhất định được biểu hiện bằng số tiền lãi hay lỗ.

Chính vì vậy tổ chức công tác kế toán chi phí, doanh thu và kết quả kinh doanh đối với doanh nghiệp là một việc hết sức cần thiết, giúp người quản lý nắm bắt được tình hình hoạt động và đẩy mạnh việc kinh doanh có hiệu quả của doanh nghiệp.

## 1.1.2. Các khái niệm cơ bản

### 1.1.2.1 Chi phí

**Chi phí:** là các khoản chi phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh, cho các hoạt động khác...mà doanh nghiệp phải bỏ ra để thực hiện các hoạt động của doanh nghiệp trong một thời kỳ nhất định.

**Chi phí sản xuất kinh doanh:** bao gồm giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí lãi tiền vay, và những chi phí liên quan đến hoạt động cho các bên khác sử dụng tài sản sinh ra lợi tức, tiền bản quyền,...Những chi phí này phát sinh dưới dạng tiền và các khoản tương đương tiền, hàng tồn kho, khấu hao máy móc, thiết bị.

•**Giá vốn hàng bán:** là trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư, giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp bán trong kỳ.

•**Chi phí bán hàng:** là toàn bộ các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hóa, chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển...

•**Chi phí quản lý doanh nghiệp:** là toàn bộ chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp, các khoản trích theo lương, chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp, tiền thuê đất...

•**Chi phí tài chính:** là toàn bộ các khoản chi phí phát sinh trong kỳ hạch toán liên quan đến các hoạt động về vốn, hoạt động đầu tư tài chính và các nghiệp vụ mang tính chất tài chính của doanh nghiệp.

•**Chi phí khác:** là các khoản lỗ do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của doanh nghiệp gây ra, cũng có thể là những khoản chi phí bị bỏ sót từ năm trước.

•**Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp:**

Thuế thu nhập doanh nghiệp là loại thuế trực thu, thu trên kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh cuối cùng của doanh nghiệp.

Căn cứ tính thuế TNDN là thu nhập chịu thuế trong kỳ tính thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp.

Thu nhập chịu thuế trong kỳ bao gồm thu nhập từ hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa dịch vụ và thu nhập khác.

**Thuế TNDN phải nộp = Thu nhập chịu thuế x Thuế suất thuế TNDN**

#### ***1.1.2.2. Doanh thu***

**Doanh thu:** là tổng giá trị các lợi ích kinh tế doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ các hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, góp phần làm tăng nguồn vốn chủ sở hữu.

•**Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ:** phát sinh từ giao dịch, sự kiện được xác định bởi thỏa thuận giữa doanh nghiệp với bên mua hoặc bên sử dụng tài sản. Nó được xác định bằng giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và giá trị hàng bán bị trả lại.

•**Các khoản giảm trừ doanh thu:** Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất khẩu, thuế GTGT nộp theo phương pháp trực tiếp, được tính giảm trừ vào doanh thu ghi nhận ban đầu để xác định doanh thu thuần, làm cơ sở để tính kết quả kinh doanh trong kỳ kế toán.

✓**Chiết khấu thương mại:** Là khoản tiền mà doanh nghiệp đã giảm trừ hoặc đã thanh toán cho người mua do việc người mua hàng đã mua hàng (sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ) với số lượng lớn theo thỏa thuận về chiết khấu thương mại đã ghi trong hợp đồng kinh tế mua bán hoặc các cam kết mua, bán hàng.

✓**Giảm giá hàng bán:** là giảm trừ được doanh nghiệp (bên bán) chấp thuận một cách đặc biệt trên giá đã thỏa thuận trên hóa đơn, vì lý do hàng bán bị kém phẩm chất, không đúng quy cách, hoặc không đúng thời hạn ghi trong hợp đồng.

✓ **Hàng bán bị trả lại:** Là số sản phẩm, hàng hóa doanh nghiệp đã xác định tiêu thụ, nhưng bị khách hàng trả lại do vi phạm các điều khoản đã cam kết trong hợp đồng kinh tế: như hàng kém phẩm chất, sai quy cách, chủng loại. Hàng bán bị trả lại phải có văn bản đề nghị của người mua ghi rõ lý do trả lại hàng, số lượng, giá trị hàng bị trả lại, đính kèm hóa đơn (nếu trả lại toàn bộ) hoặc bản sao hóa đơn (nếu trả lại một phần)

✓ **Các loại thuế phải nộp nhà nước:** Thuế TTĐB, thuế XK, thuế GTGT là các khoản thuế gián thu tính trên doanh thu bán hàng. Các khoản thuế này tính cho các đối tượng tiêu dùng hàng hóa, dịch vụ phải chịu, các cơ sở sản xuất, kinh doanh chỉ là đơn vị thu nộp thuế thay cho người tiêu dùng hàng hóa, dịch vụ đó.

• **Doanh thu thuần:** là số chênh lệch giữa doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu bán hàng nội bộ với các khoản giảm trừ doanh thu.

• **Doanh thu hoạt động tài chính:** bao gồm các khoản doanh thu tiền lãi, tiền lãi bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác được coi là thực hiện trong kỳ, không phân biệt các khoản doanh thu đó thực tế đã thu được tiền hay sẽ thu được tiền.

• **Thu nhập khác:** là khoản thu góp làm tăng vốn chủ sở hữu từ hoạt động, ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu, bao gồm các khoản thu từ các hoạt động xảy ra không thường xuyên gồm:

- Thu về thanh lý TSCĐ, nhượng bán TSCĐ
- Thu tiền phạt khách hàng do vi phạm hợp đồng
- Thu tiền bảo hiểm được bồi thường
- Thu được các khoản nợ phải thu đã xóa sổ tính vào chi phí kỳ trước
- Khoản nợ phải trả nay mất chủ được ghi tăng thu nhập
- Thu các khoản thuế được giảm, hoặc hoàn lại
- Các khoản thu khác

### ***1.2.1.3 Xác định kết quả kinh doanh***

Kết quả kinh doanh là kết quả tài chính cuối cùng của các hoạt động trong doanh nghiệp trong một thời gian nhất định (tháng, quý, năm). Đây là chỉ tiêu tổng hợp rất quan trọng để đánh giá hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp.

Kết quả kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm: Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, kết quả hoạt động tài chính, kết quả hoạt động khác.

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Lợi nhuận} & & \text{Lợi nhuận từ} & & \text{Lợi nhuận} & & \text{Lợi nhuận từ} \\ \bullet & \text{trước thuế của} & = & \text{hoạt động} & + & \text{từ hoạt động} & + & \text{hoạt động} \\ & \text{doanh nghiệp} & & \text{kinh doanh} & & \text{tài chính} & & \text{khác} \end{array}$$

Trong đó:

$$\begin{array}{ccccccc} \bullet & \text{Lợi nhuận gộp về bán} & & \text{Doanh thu} & & \text{Giá vốn hàng bán,} & \\ & \text{hàng và cung cấp dịch vụ} & = & \text{thuần} & - & \text{CPBH và} & \\ & & & & & \text{CPQLDN} & \\ \bullet & \text{Lợi nhuận từ hoạt} & = & \text{Doanh thu hoạt} & - & \text{Chi phí hoạt động} & \\ & \text{động tài chính} & & \text{động tài chính} & & \text{tài chính} & \\ \bullet & \text{Lợi nhuận từ hoạt động} & = & \text{Thu nhập} & - & \text{Chi phí khác} & \\ & \text{khác} & & \text{khác} & & & \\ \bullet & \text{Lợi nhuận sau thuế} & = & \text{Lợi nhuận trước} & - & \text{Chi phí thuế} & \\ & \text{TNDN} & & \text{thuế TNDN} & & \text{TNDN} & \end{array}$$

### 1.1.3. Nhiệm vụ của kế toán chi phí, doanh thu và xác định kết quả kinh doanh

Để đáp ứng các yêu cầu quản lý về thành phẩm, hàng hóa; bán hàng và xác định kết quả và phân phối kết quả của các hoạt động, kế toán phải thực hiện tốt các nhiệm vụ sau:

- Phản ánh, tính toán và ghi chép đầy đủ, kịp thời, chính xác chi phí phát sinh trong kỳ cho từng đối tượng chịu chi phí hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ.

- Phản ánh và ghi chép đầy đủ, kịp thời và chính xác các khoản doanh thu, các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh trong kỳ kế toán.

- Phản ánh, tính toán và kết chuyển chính xác kết quả của từng hoạt động kinh doanh trong kỳ của doanh nghiệp nhằm xác định và phân phối kết quả kinh doanh đúng đắn, hợp lý.

- Cung cấp các thông tin kế toán phục vụ cho việc lập Báo cáo tài chính và định kỳ phân tích hoạt động kinh tế liên quan đến quá trình bán hàng, xác định và phân phối kết quả kinh doanh của toàn doanh nghiệp.

## **1.2.Nội dung tổ chức công tác kế toán chi phí, doanh thu, kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp**

### **1.2.1.Kế toán chi phí**

#### **1.2.1.1.Kế toán giá vốn hàng bán**

##### **1.2.1.1.1.Các phương pháp xác định giá vốn hàng bán**

❖**Phương pháp Nhập trước – Xuất trước (FIFO):** Phương pháp này áp dụng dựa trên giả định là hàng được mua trước hoặc sản xuất trước thì được xuất trước, và hàng còn lại cuối kỳ là hàng được mua hoặc sản xuất ở thời điểm cuối kỳ. Theo phương pháp này thì giá trị hàng xuất kho được tính theo giá của lô hàng nhập kho ở thời điểm đầu kỳ hoặc gần đầu kỳ, giá trị của hàng tồn kho được tính theo giá của hàng nhập kho ở thời điểm cuối kỳ hoặc gần cuối kỳ còn tồn kho.

❖**Phương pháp Nhập sau – Xuất trước (LIFO):** Phương pháp này giả định là hàng được mua sau hoặc sản xuất sau thì được xuất trước, và hàng tồn kho còn lại cuối kỳ là những hàng được mua hoặc sản xuất trước đó. Theo phương pháp này thì giá trị hàng xuất kho được tính theo giá của lô hàng nhập sau hoặc gần sau cùng, giá trị của hàng tồn kho được tính theo giá của hàng nhập kho đầu kỳ hoặc gần đầu kỳ. Như vậy với phương pháp này chi phí của



lần mua gần nhất sẽ tương đối sát với trị giá vốn của hàng thay thế. Việc thực hiện phương pháp này sẽ đảm bảo được yêu cầu của nguyên tắc phù hợp trong kế toán. Tuy nhiên, trị giá vốn của hàng tồn kho cuối kỳ có thể không sát với giá thị trường của hàng thay thế.

❖ **Phương pháp bình quân gia quyền:** Theo phương pháp này giá trị của từng loại hàng hóa, vật tư xuất kho được tính theo giá trị trung bình của từng loại hàng hóa vật tư tương tự đầu kỳ và giá trị từng loại hàng hóa, vật tư được mua hoặc sản xuất trong kỳ.

❖ **Phương pháp đích danh:** Theo phương pháp này, doanh nghiệp phải quản lý vật tư, hàng hóa theo từng lô hàng, khi xuất lô hàng nào thì lấy giá thực tế của lô hàng đó. Áp dụng đối với những DN có ít mặt hàng hoặc mặt hàng ổn định có thể nhận diện được.

#### ***1.2.1.1.2 Chứng từ sử dụng***

- Phiếu xuất kho (Mẫu 02 – VT)
- Hóa đơn bán hàng thông thường (Mẫu 01 – GTGT – 322)

#### ***1.2.1.1.3 Tài khoản sử dụng***

##### **TK 632: Giá vốn hàng bán**

#### ***1.2.1.1.4 Kết cấu và nội dung phản ánh của tài khoản 632 – Giá vốn hàng bán***

Tài khoản này dùng để phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ bất động sản đầu tư, giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp (đối với doanh nghiệp xây lắp) bán ra trong kỳ.

• **Trường hợp doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên:**

##### **Bên Nợ:**

➤ *Đối với hoạt động sản xuất, kinh doanh, phản ánh:*

– Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã bán trong kỳ;

–Chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công vượt trên mức bình thường và chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ được tính vào giá vốn hàng bán trong kỳ;

–Các khoản hao hụt, mất mát của hàng tồn kho sau khi trừ phần bồi thường do trách nhiệm cá nhân gây ra;

–Chi phí xây dựng, tự chế TSCĐ vượt trên mức bình thường không được tính vào nguyên giá TSCĐ hữu hình tự xây dựng, tự chế hoàn thành;

–Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho (Chênh lệch giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập năm nay lớn hơn số dự phòng đã lập năm trước chưa sử dụng hết).

➤ *Đối với hoạt động kinh doanh BĐS đầu tư, phản ánh:*

– Số khấu hao BĐS đầu tư trích trong kỳ;

–Chi phí sửa chữa, nâng cấp, cải tạo BĐS đầu tư không đủ điều kiện tính vào nguyên giá BĐS đầu tư;

–Chi phí phát sinh từ nghiệp vụ cho thuê hoạt động BĐS đầu tư trong kỳ;

–Giá trị còn lại của BĐS đầu tư bán, thanh lý trong kỳ;

–Chi phí của nghiệp vụ bán, thanh lý BĐS đầu tư phát sinh trong kỳ.

### **Bên Có:**

–Kết chuyển giá vốn của sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã bán trong kỳ sang Tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”;

–Kết chuyển toàn bộ chi phí kinh doanh BĐS đầu tư phát sinh trong kỳ để xác định kết quả hoạt động kinh doanh;

– Khoản hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay nhỏ hơn số đã lập năm trước);

–Trị giá hàng bán bị trả lại nhập kho.

*Tài khoản 632 không có số dư cuối kỳ.*

**• Trường hợp doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ:**

➤ *Đối với doanh nghiệp kinh doanh thương mại:*

**Bên Nợ:**

- Trị giá vốn của hàng hoá đã xuất bán trong kỳ;
- Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay lớn hơn số đã lập năm trước chưa sử dụng hết).

**Bên Có:**

- Kết chuyển giá vốn của hàng hoá đã gửi bán nhưng chưa được xác định là tiêu thụ;
- Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay nhỏ hơn số đã lập năm trước);
- Kết chuyển giá vốn của hàng hoá đã xuất bán vào bên Nợ Tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.

➤ *Đối với doanh nghiệp sản xuất và kinh doanh dịch vụ:*

**Bên Nợ:**

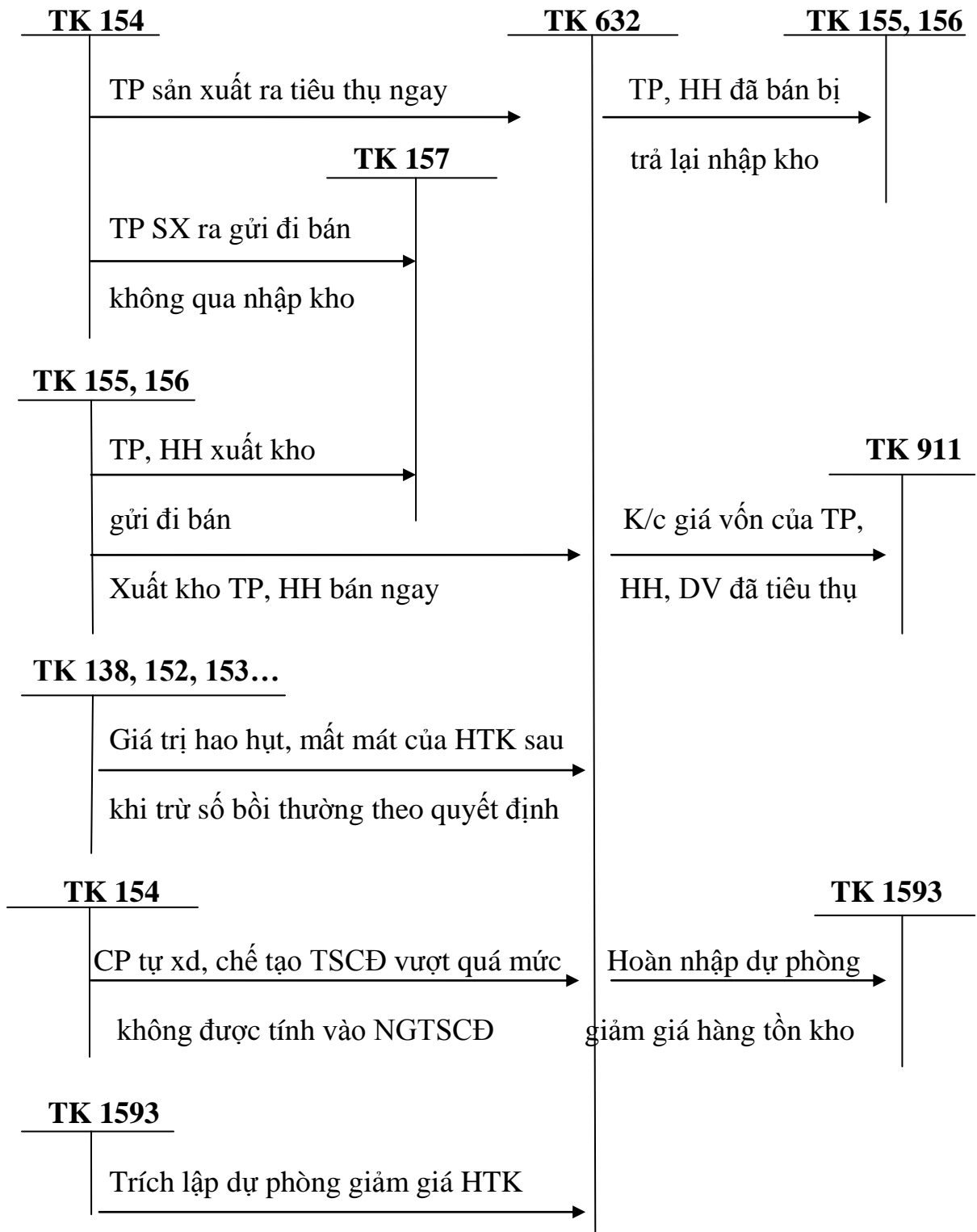
- Trị giá vốn của thành phẩm tồn kho đầu kỳ;
- Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay lớn hơn số đã lập năm trước chưa sử dụng hết).
- Trị giá vốn của thành phẩm sản xuất xong nhập kho và dịch vụ đã hoàn thành.

**Bên Có:**

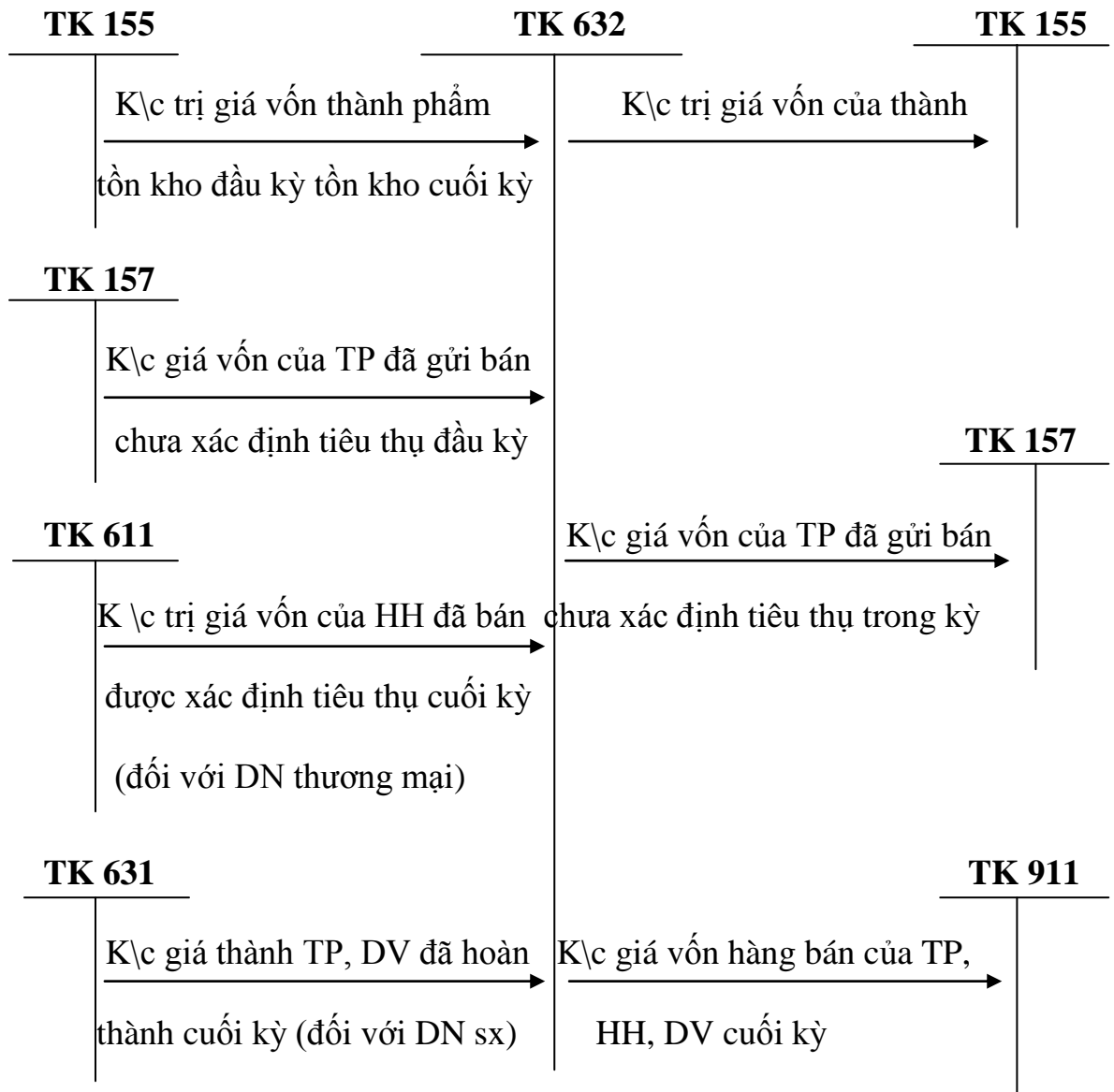
- Kết chuyển giá vốn của thành phẩm tồn kho cuối kỳ vào bên Nợ TK 155 “Thành phẩm”.
- Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay nhỏ hơn số đã lập dự phòng năm trước chưa sử dụng hết).
- Kết chuyển giá vốn của thành phẩm đã xuất bán, dịch vụ hoàn thành được xác định là đã bán trong kỳ vào bên Nợ TK 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.

*Tài khoản 632 không có số dư cuối kỳ.*

**1.2.1.1.5 Phương pháp kế toán**



**Sơ đồ 1.1: Kế toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kê khai thường xuyên**



**Sơ đồ 1.2: Kế toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kiểm kê định kỳ**

### ***1.2.1.2. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh***

#### ***❖ Chứng từ sử dụng***

- Bảng phân bổ tiền lương và các khoản trích theo lương
- Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ (Mẫu số 06 – TSCĐ)
- Bảng phân bổ NVL, CCDC (Mẫu số 07 – VT)
- Các chứng từ gốc có liên quan

#### ***❖ Tài khoản sử dụng***

##### **TK 642: Chi phí quản lý doanh nghiệp**

- TK 6421: Chi phí bán hàng
- TK 6422: Chi phí quản lý doanh nghiệp

#### ***❖ Kết cấu tài khoản***

Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản chi phí quản lý chung của doanh nghiệp phát sinh trong kỳ hạch toán.

##### **Bên Nợ:**

- Các chi phí quản lý kinh doanh thực tế phát sinh trong kỳ.
- Số dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này lớn hơn số dự phòng đã lập kỳ trước chưa sử dụng hết).

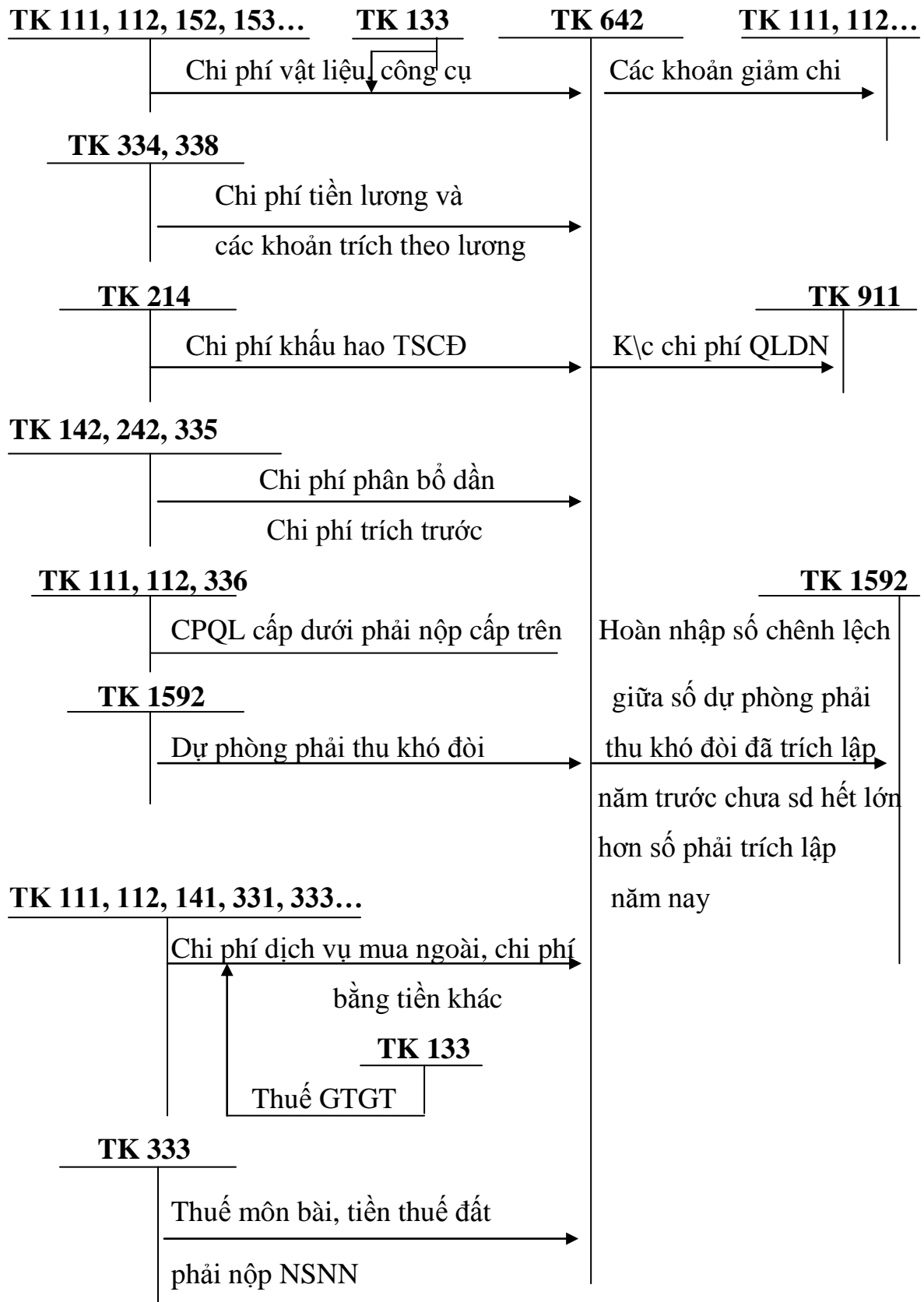
##### **Bên Có:**

- Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này nhỏ hơn số dự phòng đã lập kỳ trước chưa sử dụng hết).

– Kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh vào tài khoản 911 để xác định kết quả kinh doanh

*TK 642 không có số dư cuối kỳ*

❖ *Phương pháp kế toán*



**Sơ đồ 1.4: Kế toán chi phí quản lý kinh doanh**

### 1.2.1.3. Kế toán chi phí tài chính

#### ❖ Chứng từ sử dụng

- Giấy báo Nợ của Ngân hàng
- Phiếu chi
- Các hợp đồng vay

#### ❖ Tài khoản sử dụng

##### **Tài khoản 635: Chi phí tài chính**

Chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính, chi phí tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết..., dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ...

##### **Bên Nợ:**

- Chi phí tiền lãi vay, lãi mua hàng trả chậm, lãi thuê tài sản thuê tài chính.
- Chiết khấu thanh toán cho người mua.
- Lỗ tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động kinh doanh (Lỗ tỷ giá hối đoái đã được thực hiện).
- Lỗ tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối năm tài chính các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ của hoạt động kinh doanh (Lỗ tỷ giá hối đoái chưa thực hiện).
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay lớn hơn số dự phòng đã trích lập năm trước chưa sử dụng hết).
- Kết chuyển hoặc phân bổ chênh lệch tỷ giá hối đoái của hoạt động đầu tư XDCB (Lỗ tỷ giá hối đoái giai đoạn trước hoạt động) đã hoàn thành đầu tư vào chi phí tài chính.
- Các khoản chi phí của hoạt động đầu tư tài chính khác.

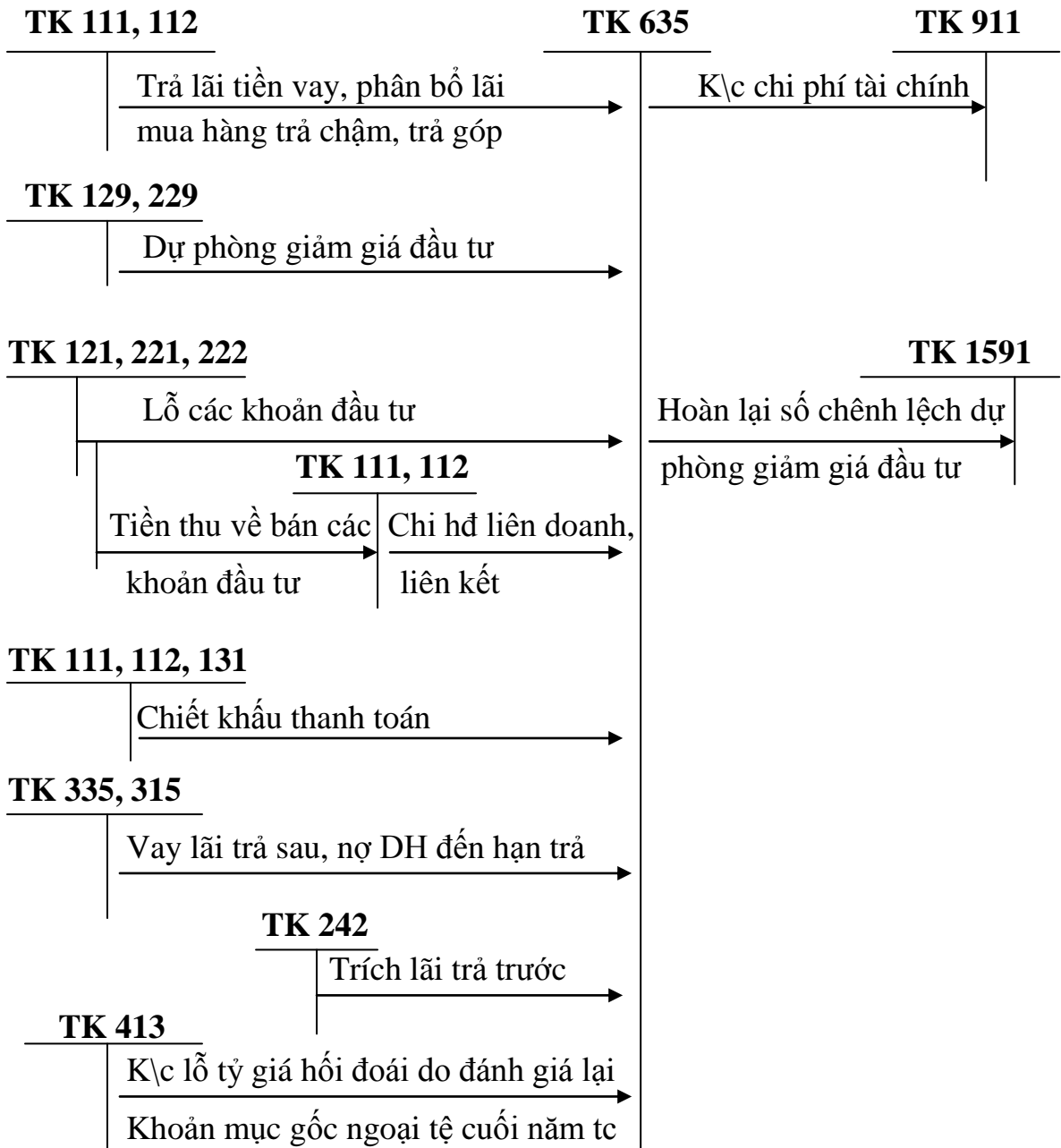
##### **Bên Có:**

- Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán (Chênh lệch giữa số dự phòng phải nộp kỳ này nhỏ hơn số dự phòng đã trích lập năm trước chưa sử dụng hết).



–Cuối kỳ kế toán, kết chuyển toàn bộ chi phí tài chính phát sinh trong kỳ để xác định kết quả hoạt động kinh doanh.

**❖ Phương pháp kế toán**



**Sơ đồ 1.5: Kế toán chi phí tài chính**

**1.2.1.4. Kế toán chi phí khác****❖ Chứng từ sử dụng**

- Hóa đơn giá trị gia tăng
- Các chứng từ thanh toán: Phiếu chi, giấy ủy nhiệm chi, giấy báo Nợ
- Các chứng từ khác có liên quan

**❖ Tài khoản sử dụng****TK 811: Chi phí khác**

Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản chi phí của các hoạt động ngoài hoạt động sản xuất kinh doanh tạo ra doanh thu của doanh nghiệp.

**Bên Nợ:**

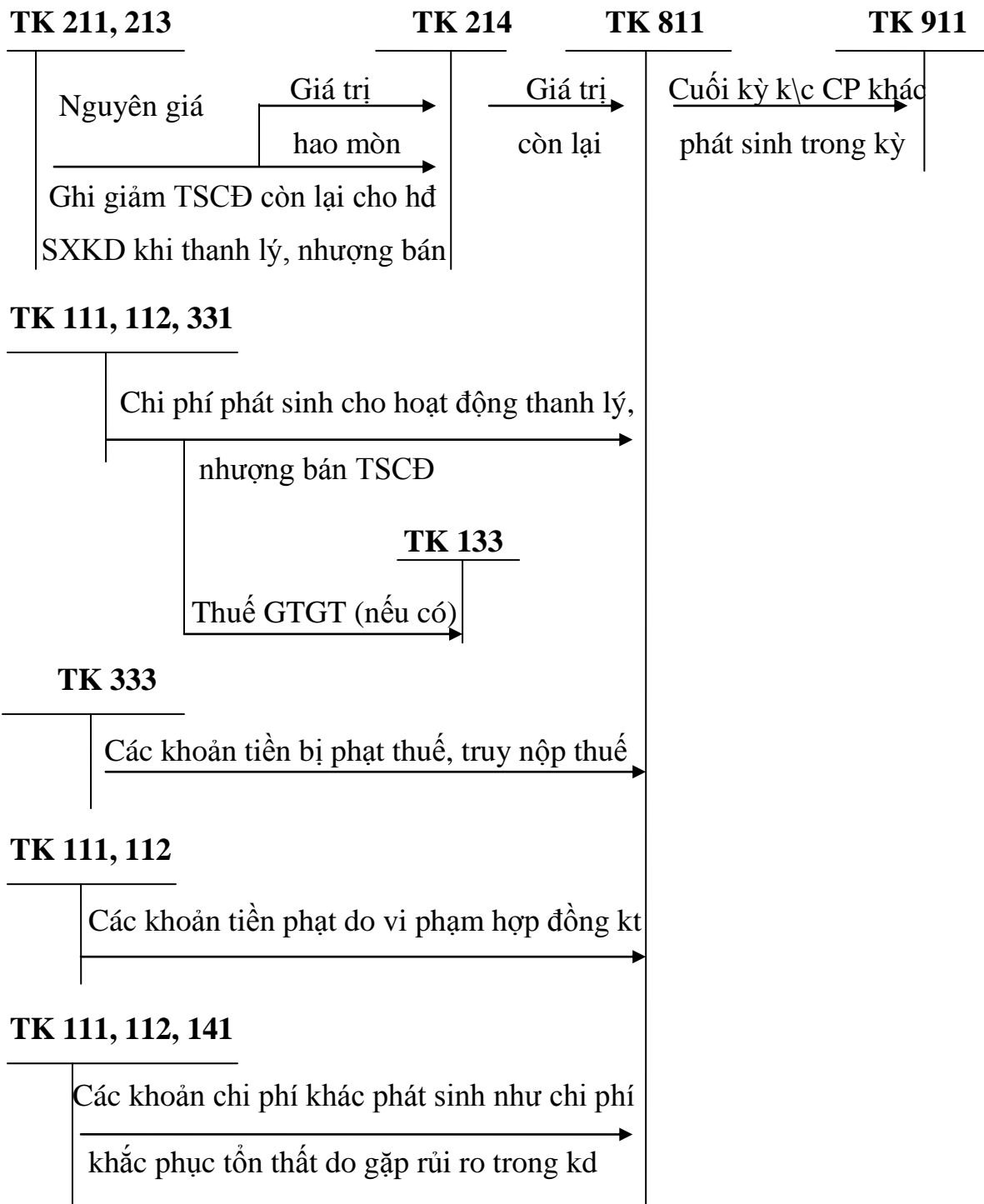
Các khoản chi phí khác phát sinh

**Bên Có:**

Cuối kỳ kết chuyển toàn bộ các khoản chi phí khác phát sinh trong kỳ vào TK 911 – xác định kết quả kinh doanh

*TK 811 – Chi phí khác không có số dư cuối kỳ*

❖ Phương pháp kế toán



**Sơ đồ 1.6: Kế toán chi phí khác**

## 1.2.2. Kế toán doanh thu và thu nhập

### 1.2.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu nội bộ và các khoản giảm trừ doanh thu

#### ❖ Chứng từ sử dụng

- Hóa đơn bán hàng thông thường (Mẫu số 02 – 3LL) đối với doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp

- Hóa đơn GTGT (Mẫu số 01 GTGT – 3LL) đối với doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ

- Bảng thanh toán hàng đại lý, ký gửi (Mẫu số 14 – BH)

- Thẻ quầy hàng (Mẫu số 15 – BH)

- Các chứng từ thanh toán (Phiếu thu, séc chuyển khoản, séc thanh toán, ủy nhiệm thu, giấy báo có ngân hàng, bảng sao kê của ngân hàng...)

- Chứng từ kế toán liên quan khác như: phiếu xuất kho bán hàng, phiếu nhập kho hàng trả lại, hóa đơn vận chuyển, bốc dỡ, ...

#### ❖ Tài khoản sử dụng

##### **TK 511: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

- TK 5111: Doanh thu bán hàng hóa

- TK 5112: Doanh thu bán các thành phẩm

- TK 5113: Doanh thu cung cấp dịch vụ

- TK 5118: Doanh thu khác

Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu bán hàng thực tế của doanh nghiệp thực hiện trong một kỳ kế toán của hoạt động sản xuất kinh doanh.

#### ❖ Kết cấu tài khoản

##### **Bên Nợ:**

- Số thuế TTĐB, thuế XK phải nộp tính trên doanh thu bán hàng thực tế của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã cung cấp cho khách hàng và được xác định là đã bán trong kỳ kế toán.

- Số thuế GTGT phải nộp của doanh nghiệp nộp thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp.

- Doanh thu bán hàng bị trả lại kết chuyển cuối kỳ.
- Các khoản ghi giảm doanh thu bán hàng (521, 531, 532).
- Kết chuyển doanh thu thuần sang TK 911 để xác định kết quả kinh doanh.

**Bên Có:** Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp thực hiện trong kỳ kế toán.

*Tài khoản 511 không có số dư cuối kỳ*

#### ❖TK 521: Các khoản giảm trừ doanh thu

##### • TK 5211: Chiết khấu thương mại

Tài khoản này dùng để phản ánh khoản chiết khấu thương mại mà doanh nghiệp đã giảm trừ, hoặc đã thanh toán cho người mua hàng do việc người mua hàng đã mua hàng (Sản phẩm, hàng hoá), dịch vụ với khối lượng lớn và theo thoả thuận bên bán sẽ dành cho bên mua một khoản chiết khấu thương mại (Đã ghi trên hợp đồng kinh tế mua bán hoặc các cam kết mua, bán hàng).

##### •TK 5212: Hàng bán bị trả lại

Tài khoản này dùng để phản ánh giá trị của số sản phẩm, hàng hoá bị khách hàng trả lại do các nguyên nhân: Vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị kém, mất phẩm chất, không đúng chủng loại, quy cách. Giá trị hàng bán bị trả lại phản ánh trên tài khoản này sẽ điều chỉnh doanh thu bán hàng thực tế thực hiện trong kỳ kinh doanh để tính doanh thu thuần của khối lượng sản phẩm, hàng hoá đã bán ra trong kỳ báo cáo.

Tài khoản này chỉ phản ánh giá trị của số hàng đã bán bị trả lại (Tính theo đúng đơn giá bán ghi tên hoá đơn). Các chi phí khác phát sinh liên quan đến việc hàng bán bị trả lại mà doanh nghiệp phải chi được phản ánh vào Tài khoản 641 “Chi phí bán hàng”.

##### •TK 5213: Giảm giá hàng bán

Tài khoản này dùng để phản ánh khoản giảm giá hàng bán thực tế phát sinh và việc xử lý khoản giảm giá hàng bán trong kỳ kế toán. Giảm giá hàng

bán là khoản giảm trừ cho người mua do sản phẩm, hàng hoá kém, mất phẩm chất hay không đúng quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế.

❖ **TK 333: Thuế và các khoản phải nộp nhà nước**

- TK 3332: Thuế tiêu thụ đặc biệt
- TK 3333: Thuế xuất, nhập khẩu

**Bên Nợ:**

- Số thuế GTGT đã được khấu trừ trong kỳ;
- Số thuế, phí, lệ phí và các khoản phải nộp, đã nộp vào Ngân sách Nhà nước;
- Số thuế được giảm trừ vào số thuế phải nộp;
- Số thuế GTGT của hàng bán bị trả lại, bị giảm giá.

**Bên Có:**

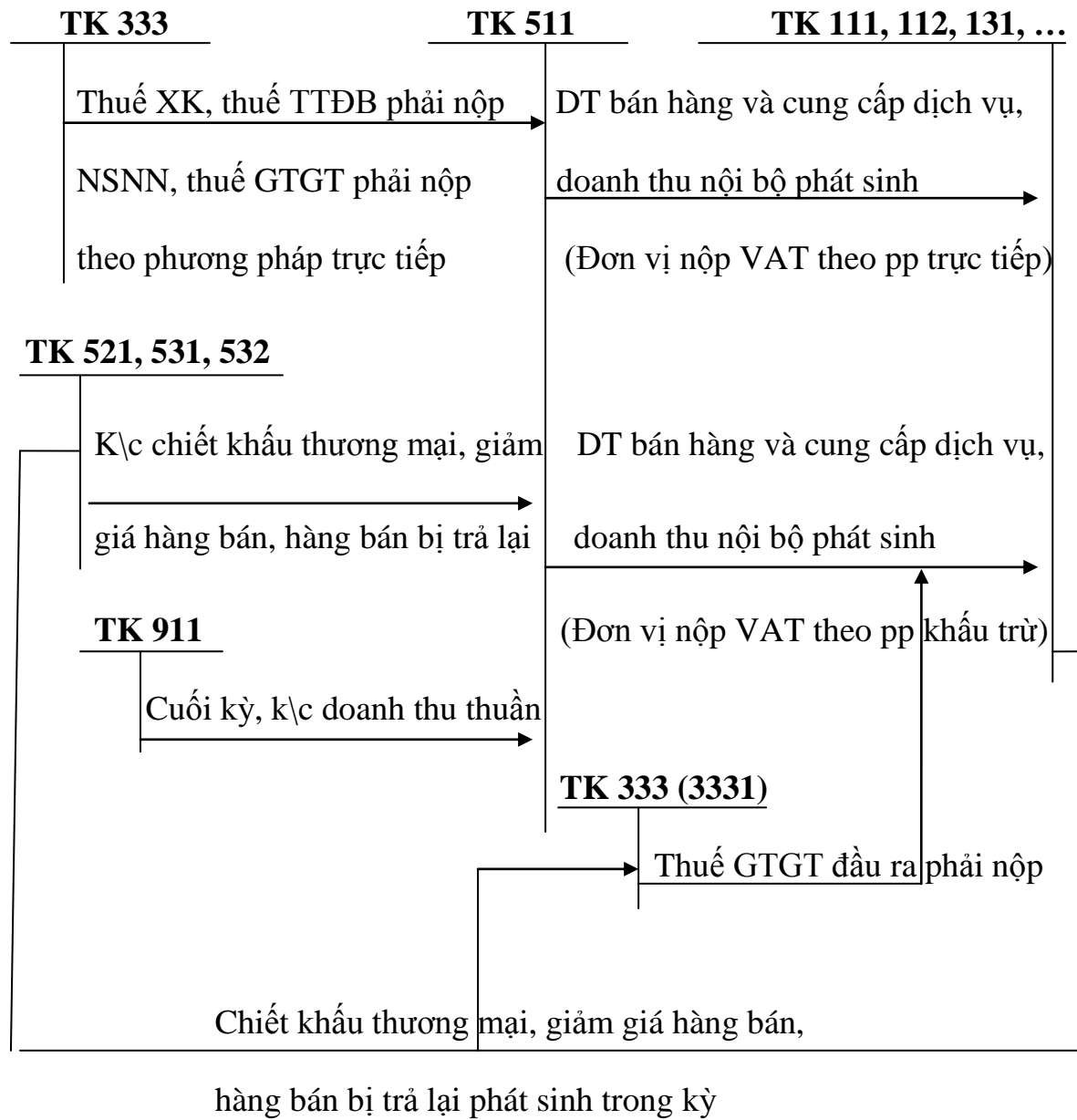
- Số thuế GTGT đầu ra và số thuế GTGT hàng nhập khẩu phải nộp;
- Số thuế, phí, lệ phí và các khoản khác phải nộp vào Ngân sách Nhà nước.

**Số dư bên Có:**

–Số thuế, phí, lệ phí và các khoản khác còn phải nộp vào ngân sách Nhà nước.

–Trong trường hợp cá biệt, Tài khoản 333 có thể có số dư bên Nợ. Số dư Nợ (nếu có) của TK 333 phản ánh số thuế và các khoản đã nộp lớn hơn số thuế và các khoản phải nộp cho Nhà nước, hoặc có thể phản ánh số thuế đã nộp được xét miễn hoặc giảm cho thoái thu nhưng chưa thực hiện việc thoái thu.

**❖ Phương pháp kế toán**



**Sơ đồ 1.7: Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu bán hàng nội bộ và các khoản giảm trừ doanh thu**

### 1.2.2.2. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính

#### ❖ Chứng từ sử dụng

- Giấy báo Có ngân hàng
- Phiếu thu
- Các hợp đồng vay

#### ❖ Tài khoản sử dụng

##### **TK 515: Doanh thu hoạt động tài chính**

Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp.

##### **Bên Nợ:**

- Số thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp (nếu có);
- Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính thuần sang Tài khoản 911 - “Xác định kết quả kinh doanh”.

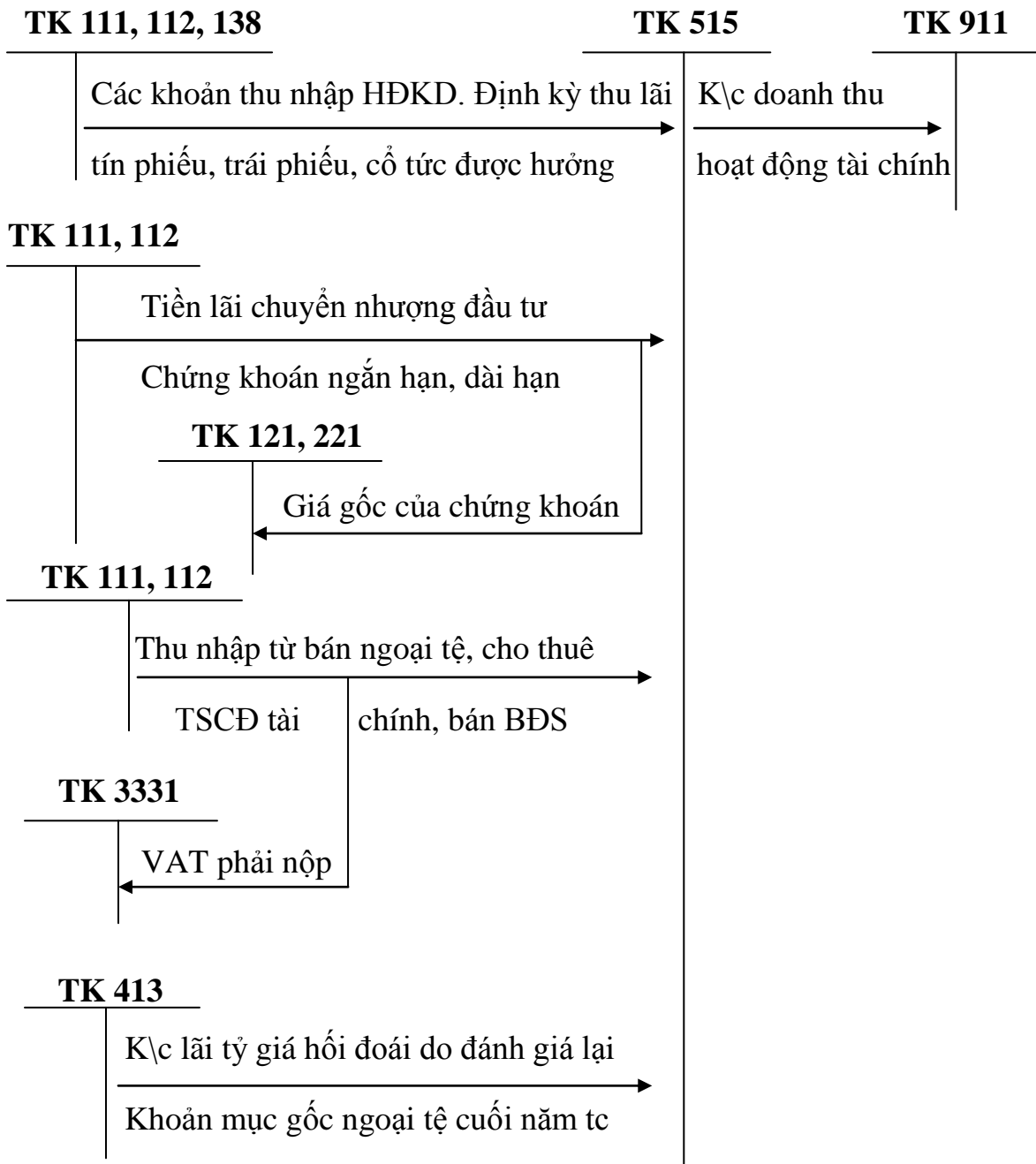
##### **Bên Có:**

- Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia;
- Lãi do nhượng bán các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết;
- Chiết khấu thanh toán được hưởng;
- Lãi tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động kinh doanh;
- Lãi tỷ giá hối đoái phát sinh khi bán ngoại tệ;
- Lãi tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối năm tài chính các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ của hoạt động kinh doanh;
- Kết chuyển hoặc phân bổ lãi tỷ giá hối đoái của hoạt động đầu tư XDCB (giai đoạn trước hoạt động) đã hoàn thành đầu tư vào doanh thu hoạt động tài chính;
- Doanh thu hoạt động tài chính khác phát sinh trong kỳ.

*Tài khoản 515 không có số dư cuối kỳ.*



❖ Phương pháp kế toán



**Sơ đồ 1.8: Kế toán doanh thu hoạt động tài chính**

### ***1.2.2.3. Kế toán thu nhập khác***

#### **❖ Chứng từ sử dụng**

- Hóa đơn giá trị gia tăng
- Các chứng từ thanh toán: Phiếu thu, giấy ủy nhiệm thu, giấy báo Có của Ngân hàng...
- Các chứng từ khác có liên quan

#### **❖ Tài khoản sử dụng**

##### **TK 711: Thu nhập khác**

Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản thu nhập khác, các khoản doanh thu ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp.

##### **Bên Nợ:**

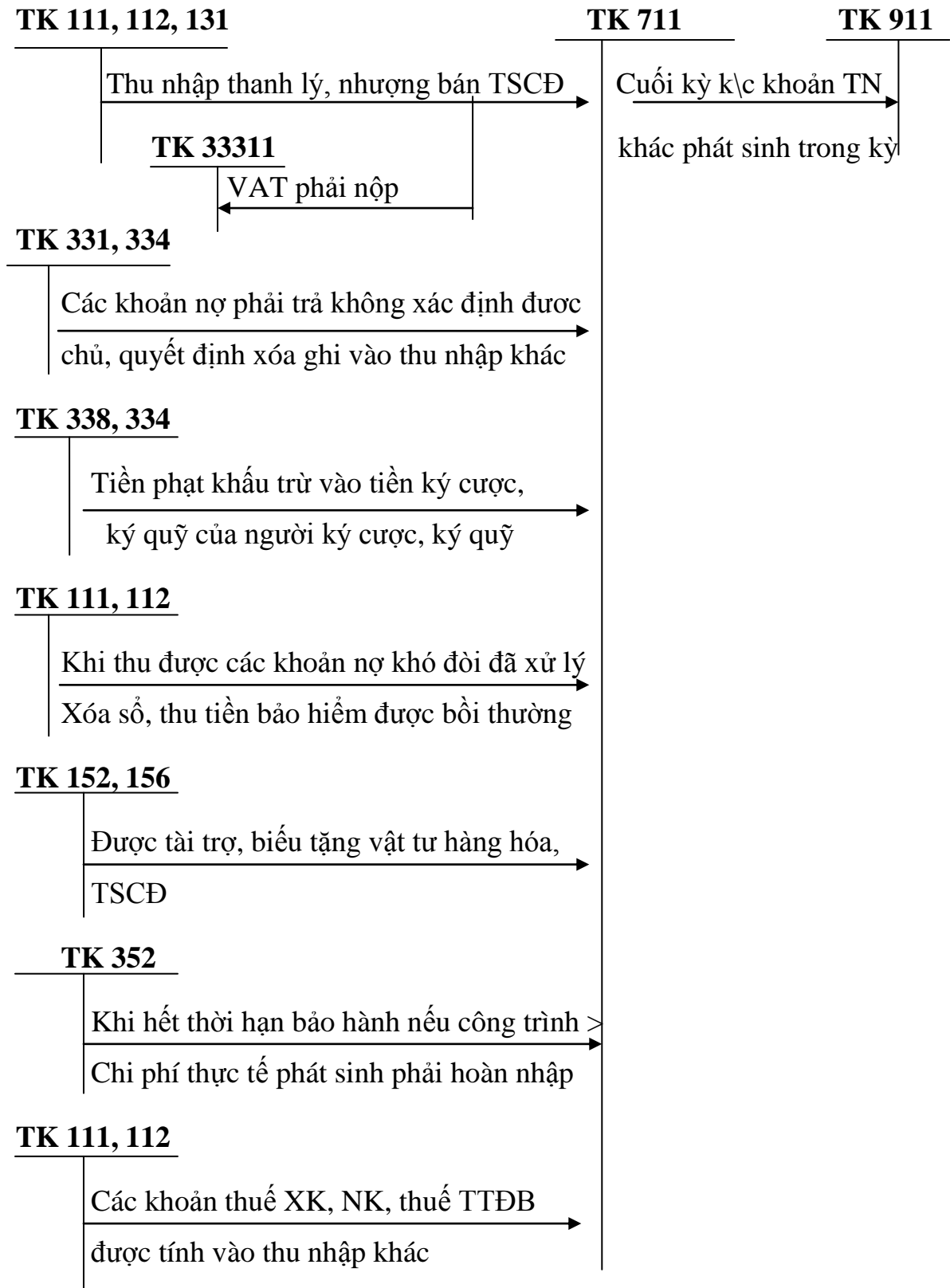
–Số thuế GTGT phải nộp (nếu có) tính theo phương pháp trực tiếp đối với các khoản thu nhập khác ở doanh nghiệp nộp thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp.

–Cuối kỳ kế toán, kết chuyển các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ sang Tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.

**Bên Có:** Các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ.

*Tài khoản 711 không có số dư cuối kỳ.*

**❖ Phương pháp kế toán**



**Sơ đồ 1.9: Kế toán thu nhập khác**

### **1.2.3.Kế toán xác định kết quả kinh doanh**

Kết quả hoạt động sản xuất - kinh doanh là số chênh lệch giữa doanh thu thuần và trị giá vốn hàng bán (gồm cả sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ, chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư...) chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp.

#### **1.2.3.1.Chứng từ sử dụng**

Phiếu kế toán

#### **1.2.3.2.Tài khoản sử dụng**

##### **❖TK 911: Xác định kết quả kinh doanh**

Tài khoản này dùng để xác định và phản ánh kết quả hoạt động kinh doanh và các hoạt động khác của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán năm. Kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm: Kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh, kết quả hoạt động tài chính và kết quả hoạt động khác.

##### **Bên Nợ:**

- Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hoá, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán;
- Chi phí hoạt động tài chính, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp và chi phí khác;
- Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp;
- Kết chuyển lãi.

##### **Bên Có:**

- Doanh thu thuần về số sản phẩm, hàng hoá, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán trong kỳ;
- Doanh thu hoạt động tài chính, các khoản thu nhập khác và khoản ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp;
- Kết chuyển lỗ.

*Tài khoản 911 không có số dư cuối kỳ.*

**❖TK 821: Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp**

Tài khoản này dùng để phản ánh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của doanh nghiệp làm căn cứ xác định kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong năm tài chính hiện hành.

**Bên Nợ:**

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phát sinh trong năm;
- Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành của các năm trước phải nộp bổ sung do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước được ghi tăng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành của năm hiện tại;

**Bên Có:**

- Số thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành thực tế phải nộp trong năm nhỏ hơn số thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành tạm phải nộp được giảm trừ vào chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành đã ghi nhận trong năm;
- Số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được ghi giảm do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước được ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trong năm hiện tại;
- Kết chuyển số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp sang bên Nợ TK 911 – “Xác định kết quả kinh doanh”

*Tài khoản 821 không có số dư cuối kỳ.*

**❖TK 412: Lợi nhuận chưa phân phối**

Tài khoản này dùng để phản ánh kết quả kinh doanh (lợi nhuận, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của doanh nghiệp.

**Bên Nợ:**

- Số lỗ về hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp;
- Trích lập các quỹ của doanh nghiệp;
- Chia cổ tức, lợi nhuận cho các cổ đông, cho các nhà đầu tư, các bên tham gia liên doanh;
- Bổ sung nguồn vốn kinh doanh;



#### **1.2.4. Tổ chức sổ kế toán chi phí, doanh thu và xác định kết quả kinh doanh**

Căn cứ vào quy mô, đặc điểm hoạt động kinh doanh, yêu cầu quản lý, trình độ chuyên nghiệp của cán bộ kế toán, điều kiện trang bị kỹ thuật tính toán, lựa chọn một hình thức kế toán phù hợp và phải tuân thủ theo đúng quy định của hình thức sổ kế toán đó, gồm: Các loại sổ và kết cấu các loại sổ, quan hệ đối chiếu kiểm tra, trình tự, phương pháp ghi chép các loại sổ kế toán.

##### ***1.2.4.1. Hình thức kế toán Nhật ký chung***

###### ***❖ Nguyên tắc, đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Nhật ký chung***

Tất cả các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh đều phải được ghi vào sổ Nhật ký, mà trọng tâm là sổ Nhật ký chung, theo trình tự thời gian phát sinh và theo nội dung kinh tế (định khoản kế toán) của nghiệp vụ đó. Sau đó lấy số liệu trên các sổ Nhật ký để ghi Sổ Cái theo từng nghiệp vụ phát sinh.

Hình thức kế toán Nhật ký chung gồm các loại sổ chủ yếu sau:

- Sổ Nhật ký chung, Sổ Nhật ký đặc biệt;
- Sổ Cái;
- Các sổ, thẻ kế toán chi tiết.

###### ***❖ Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký chung***

(1) Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ đã kiểm tra được dùng làm căn cứ ghi sổ, trước hết ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật ký chung, sau đó căn cứ số liệu đã ghi trên sổ Nhật ký chung để ghi vào Sổ Cái theo các tài khoản kế toán phù hợp. Nếu đơn vị có mở sổ, thẻ kế toán chi tiết thì đồng thời với việc ghi sổ Nhật ký chung, các nghiệp vụ phát sinh được ghi vào các sổ, thẻ kế toán chi tiết liên quan.

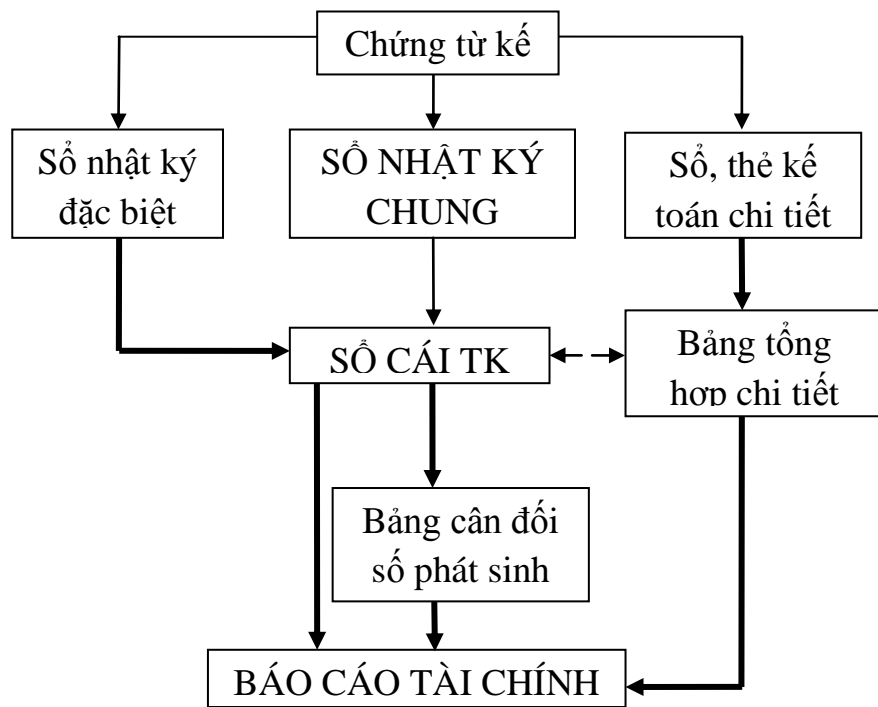
Trường hợp đơn vị mở các sổ Nhật ký đặc biệt thì hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ được dùng làm căn cứ ghi sổ, ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật ký đặc biệt liên quan. Định kỳ (3, 5, 10... ngày) hoặc cuối tháng, tùy khối lượng nghiệp vụ phát sinh, tổng hợp từng sổ Nhật ký đặc biệt, lấy số liệu để ghi vào các tài khoản phù hợp trên Sổ Cái, sau khi đã loại trừ số

trùng lặp do một nghiệp vụ được ghi đồng thời vào nhiều sổ Nhật ký đặc biệt (nếu có).

(2) Cuối tháng, cuối quý, cuối năm, cộng số liệu trên Sổ Cái, lập Bảng cân đối số phát sinh.

Sau khi đã kiểm tra đối chiếu khớp đúng, số liệu ghi trên Sổ Cái và bảng tổng hợp chi tiết (được lập từ các Sổ, thẻ kế toán chi tiết) được dùng để lập các Báo cáo tài chính.

Về nguyên tắc, Tổng số phát sinh Nợ và Tổng số phát sinh Có trên Bảng cân đối số phát sinh phải bằng Tổng số phát sinh Nợ và Tổng số phát sinh Có trên sổ Nhật ký chung (hoặc sổ Nhật ký chung và các sổ Nhật ký đặc biệt sau khi đã loại trừ số trùng lặp trên các sổ Nhật ký đặc biệt) cùng kỳ.



**Ghi chú:**

- Ghi hàng ngày
- Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ
- ←--→ Quan hệ đối chiếu.



### ***1.2.4.2.Hình thức kế toán Nhật ký – Sổ Cái***

#### **❖Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Nhật ký - Sổ Cái:**

Các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh được kết hợp ghi chép theo trình tự thời gian và theo nội dung kinh tế (theo tài khoản kế toán) trên cùng một quyển sổ kế toán tổng hợp duy nhất là sổ Nhật ký - Sổ Cái. Căn cứ để ghi vào sổ Nhật ký - Sổ Cái là các chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại.

Hình thức kế toán Nhật ký - Sổ Cái gồm có các loại sổ kế toán sau:

- Nhật ký - Sổ Cái;
- Các Sổ, Thẻ kế toán chi tiết.

### ***1.2.4.3.Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ***

Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ

Căn cứ trực tiếp để ghi sổ kế toán tổng hợp là “Chứng từ ghi sổ”.

Việc ghi sổ kế toán tổng hợp bao gồm

- Ghi theo trình tự thời gian trên Sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ.
- Ghi theo nội dung kinh tế trên Sổ Cái.

Chứng từ ghi sổ do kế toán lập trên cơ sở từng chứng từ kế toán hoặc Bảng Tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại, có cùng nội dung kinh tế.

Chứng từ ghi sổ được đánh số hiệu liên tục trong từng tháng hoặc cả năm (theo số thứ tự trong Sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ) và có chứng từ kế toán đính kèm, phải được kế toán trưởng duyệt trước khi ghi sổ kế toán.

Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ gồm có các loại sổ kế toán sau:

- Chứng từ ghi sổ;
- Sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ;
- Sổ Cái;
- Các Sổ, Thẻ kế toán chi tiết.

#### ***1.2.4.4. Hình thức kế toán trên máy vi tính***

**Đặc trưng cơ bản của Hình thức kế toán trên máy vi tính** là công việc kế toán được thực hiện theo một chương trình phần mềm kế toán trên máy vi tính. Phần mềm kế toán được thiết kế theo nguyên tắc của một trong bốn hình thức kế toán hoặc kết hợp các hình thức kế toán quy định trên đây. Phần mềm kế toán không hiển thị đầy đủ quy trình ghi sổ kế toán, nhưng phải in được đầy đủ sổ kế toán và báo cáo tài chính theo quy định.

#### **Các loại sổ của Hình thức kế toán trên máy vi tính:**

Phần mềm kế toán được thiết kế thức kế toán nào sẽ có các loại sổ của hình thức kế toán đó nhưng không bắt buộc hoàn toàn giống mẫu sổ kế toán ghi bằng tay.

## **CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN CHI PHÍ, DOANH THU VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI NAM SƠN**

### **2.1. Tổng quan về công ty TNHH Xây dựng & Thương mại Nam Sơn**

#### **2.1.1. Giới thiệu khái quát về công ty**

Theo quyết định số 0202002078 ngày 16/12/2004 tại Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hải Phòng, Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Nam Sơn đã được thành lập dưới hình thức là một công ty TNHH, hoạt động theo luật DN nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam được thông qua ngày 16/12/2004

- Tên Công ty : **CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI NAM SƠN**
- Tên giao dịch : Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Nam Sơn
- Tên viết tắt : NamSon Co.,LTD
- Trụ sở công ty : thôn Mỹ Tranh - Nam Sơn - An Dương - Hải Phòng
- Mã số thuế : 0200606905
- Điện thoại : 0313.970.829
- Fax : 0313.970.829
- Lĩnh vực kinh doanh: xây dựng và thương mại
- Quy mô doanh nghiệp: Vừa và nhỏ
- Vốn điều lệ: 3.000.000.000

## **2.1.2. Đặc điểm sản xuất kinh doanh của Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Nam Sơn**

### **2.1.2.1. Ngành nghề kinh doanh**

- Mua bán máy móc, thiết bị, phụ tùng, vật tư, vật liệu xây dựng, trang trí nội thất, điện-điện tử - kỹ nghệ lạnh, kim khí điện máy.
- Cho thuê máy móc, thiết bị ngành xây dựng, điện công nghiệp.
- Dịch vụ thương mại, đại lý ký gửi hàng hoá.
- Thiết kế thi công hệ thống điện nước sau điện kế, công trình dân dụng, công nghiệp, sửa chữa nhà và trang trí nội thất.
- Xây dựng sửa chữa cầu đường, nạo vét kênh rạch, san lấp mặt bằng.
- Tư vấn xây dựng đấu thầu, dịch vụ môi giới nhà đất.
- Vận tải hàng hóa bang ô tô các loại

### **2.1.2.2. Lĩnh vực hoạt động**

#### **❖ Thiết kế**

Công ty có đội ngũ kỹ sư, kiến trúc sư không chỉ giỏi về tay nghề mà còn rất giàu về kinh nghiệm thực tế thông qua những dự án công trình đã thi công. Nên đội ngũ này luôn có cái nhìn trực quan về phối cảnh kiến trúc tổng thể, cũng như nắm bắt và đáp ứng mọi nhu cầu khắt khe nhất của khách hàng.

#### **❖ Xây dựng**

Trong 8 năm hoạt động và phát triển, công ty luôn gắn bó và đặt hết tâm huyết của mình vào lĩnh vực thi công, xây dựng những dự án, công trình với những quy mô và tầm cỡ nhất định.

#### **❖ Trang trí nội thất**

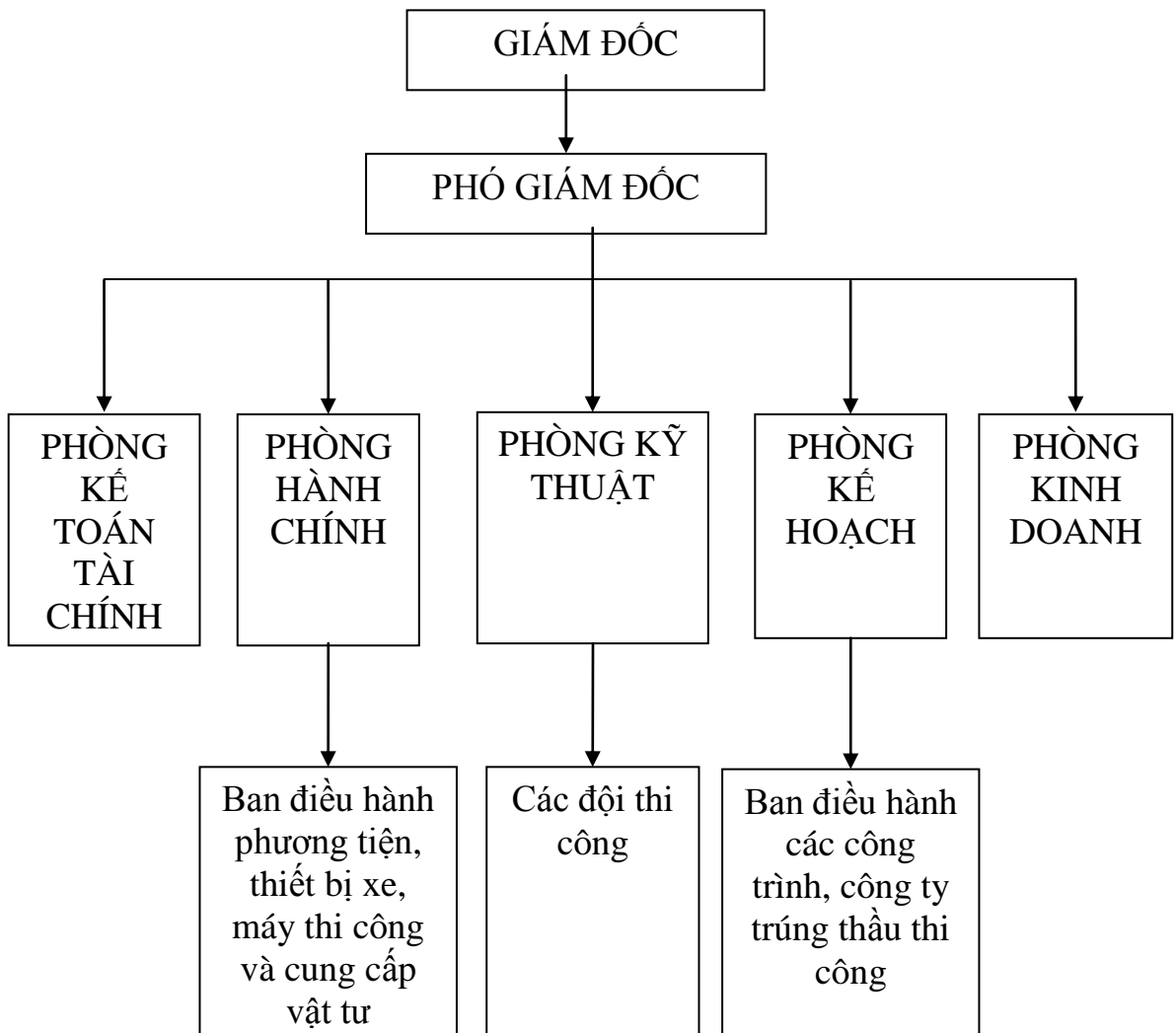
Trang trí nội, ngoại thất là công đoạn cuối cùng để hoàn thành một công trình và cũng là công đoạn vô cùng quan trọng để tạo lên dáng vẻ đặc trưng riêng mà không công trình nào giống công trình nào. Hiểu được tầm quan trọng đó công ty đã đầu tư tràn thiết bị máy móc và nguồn nhân lực để có thể đáp ứng được nhu cầu của khách hàng.

## ❖ Thương mại

Ngoài lĩnh vực tư vấn thiết kế, xây dựng và trang trí nội thất, công ty còn tham gia trong lĩnh vực thương mại, buôn bán vật liệu xây dựng, nhà nghỉ, nước sạch sinh hoạt

### 2.1.3. Tổ chức bộ máy quản lý của Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Nam Sơn

#### 2.1.3.1. Sơ đồ bộ máy quản lý tại công ty



**Sơ đồ 2.1:** Sơ đồ bộ máy quản lý

### **2.1.3.2. Quy chế quản lý**

#### **❖ Giám đốc**

Là người có thẩm quyền cao nhất điều hành chung mọi hoạt động kinh doanh. Là người đại diện cho toàn bộ cán bộ công nhân viên, đại diện pháp nhân và chịu trách nhiệm cao nhất về mọi hoạt động kinh doanh cũng như kết quả hoạt động của công ty. Giám đốc là người quyết định và trực tiếp lãnh đạo các bộ phận chức năng, hướng dẫn cấp dưới về mục tiêu thực hiện và theo dõi quá trình thực hiện của đơn vị trực thuộc.

#### **❖ Phó giám đốc**

Là người có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra các ban trong các mặt kinh tế, kỹ thuật, các công trình xây dựng theo hợp đồng kinh tế mà công ty đã ký kết với đối tác. Là người triển khai cho các quyết định của giám đốc, điều hành công ty khi giám đốc vắng mặt, chịu trách nhiệm trước giám đốc về nghiệp vụ chuyên môn, xây dựng các kế hoạch, tổ chức quản lý các hoạt động kinh doanh thương mại, lập báo cáo định kỳ trình lên giám đốc.

#### **❖ Phòng kế toán tài chính**

Kế toán trưởng Công ty chịu trách nhiệm trực tiếp với Giám đốc về công việc thuộc nhiệm vụ của phòng tài chính của kế toán, có quyền phân công chỉ đạo trực tiếp tất cả nhân viên trong phòng kế toán của Công ty.

Phòng tài chính kế toán của Công ty chịu sự chỉ đạo trực tiếp của Giám đốc do đó mọi hoạt động liên quan đến việc thanh toán chi trả đều phải có ý kiến của Giám đốc hoặc ý kiến của người khác được Giám đốc uỷ quyền khi đi vắng và phải hội đủ các chữ ký của kế toán trưởng, kế toán thanh toán và thủ quỹ mới thực hiện, lúc đó chứng từ mới có giá trị pháp lý.

#### **❖ Phòng tổ chức hành chính**

Có nhiệm vụ thực hiện các công việc hành chính như tiếp nhận, phát hành và lưu trữ công văn, giấy tờ, tài liệu. Quản lý nhân sự, nghiên cứu, xây dựng cơ cấu tổ chức của công ty. Thực hiện một số công việc về chế độ

chính sách cũng như vấn đề lương bổng khen thưởng. Quản trị tiếp nhận lưu trữ công văn từ trên xuống, chuyển giao cho các bộ phận có liên quan.

#### ❖ Phòng kinh doanh

Thu thập thông tin trên thị trường về các mặt hàng kinh doanh của công ty có phù hợp với thị hiếu người tiêu dùng, nghiên cứu nhu cầu thị trường và tìm kiếm thị trường mới, đồng thời hỗ trợ giám đốc ký kết hợp đồng.

#### ❖ Phòng kế hoạch

Tiếp nhận và điều động các công nhân viên, lập các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, luôn nắm bắt thông tin về giá cả, biến động của thị trường để lập định mức, chỉ tiêu đồng thời kiểm tra chất lượng công trình.

#### ❖ Phòng kỹ thuật

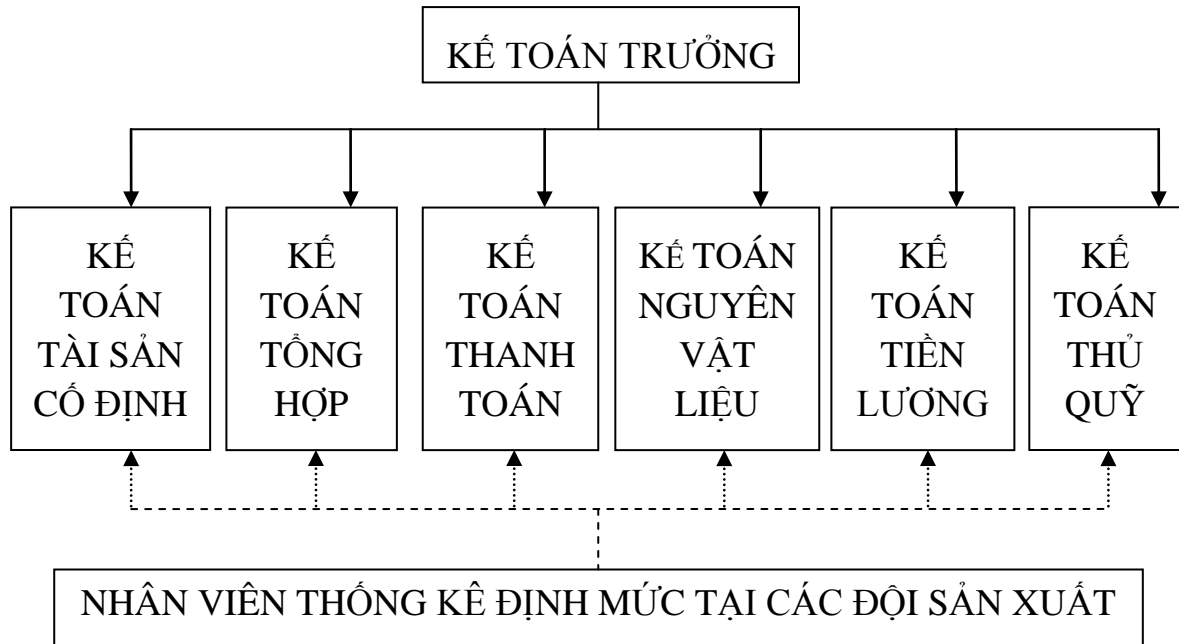
Quản lý và tổ chức thực hiện xây dựng cơ bản theo quy chế và pháp luật của nhà nước hiện hành, đồng thời nghiên cứu các tiến bộ kỹ thuật ứng dụng vào thi công, hướng dẫn nhằm nâng cao tay nghề cho công nhân, tăng khả năng nghiệp vụ cho nhân viên. Theo dõi bám sát tiến độ thi công, quản lý kiểm tra số lượng nguyên vật liệu nhập và xác định mức vật liệu tiêu hao ổn định hợp lý. Tổ chức nghiệm thu khối lượng công trình, duyệt quyết toán công trình hình thành.

#### ❖ Các đội thi công

Trực tiếp tổ chức thi công, xây dựng các công trình theo đúng bản vẽ, tiến độ, dưới sự hướng dẫn của phòng kỹ thuật và sự chỉ đạo của Giám đốc.

## 2.1.4. Tổ chức công tác kế toán tại Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Nam Sơn

### 2.1.4.1. Mô hình bộ máy kế toán tại công ty



### Sơ đồ 2.2: Sơ đồ tổ chức bộ máy kế toán

### 2.1.4.2. Chức năng của từng bộ phận trong bộ máy kế toán của công ty

#### ❖ Kế toán trưởng

Giúp Giám đốc trong việc tổ chức chỉ đạo thực hiện toàn bộ công tác kế toán, tài chính thông tin kinh tế trong toàn đơn vị theo cơ chế quản lý mới và theo đúng pháp lệnh kế toán thống kê, điều lệ tổ chức kế toán nhà nước và điều lệ kế toán trưởng hiện hành. Hướng dẫn công tác hạch toán kế toán, ghi chép sổ sách, chứng từ kế toán. Chỉ đạo lập kế hoạch tài chính tín dụng.

#### ❖ Kế toán tổng hợp

Là người cố vấn đắc lực trong công việc điều khiển doanh nghiệp, kế toán tổng hợp phải có kiến thức rộng rãi về nhiều lĩnh vực khác như lý thuyết thống kê, luật thương mại, quản trị tài chính. Tập hợp và lưu trữ các chứng từ liên quan. Lập báo cáo trình đơn vị các công trình trọng điểm khi phát sinh.

#### ❖ Kế toán nguyên vật liệu



Theo dõi tình hình X-N-T kho vật liệu của công ty. Hàng ngày ghi nhận lại và tổng hợp cuối ngày về cho kế toán thanh toán, theo dõi chi tiết từng khách hàng, cuối tháng kiểm kê định kỳ hàng tồn kho.

❖ **Kế toán tiền lương**

Có nhiệm vụ lập bảng thanh toán lương nhân viên toàn công ty. Là người trích các BHXH, BHYT, KPCĐ, BHT theo quy định của nhà nước.

❖ **Kế toán thủ quỹ**

Theo dõi công việc Thu - Chi của công ty. Chịu trách nhiệm Thu - Chi tiền mặt tại công ty có chứng từ hợp lệ. Chi trả lương cho công nhân đúng thời hạn. Theo dõi việc giao dịch qua ngân hàng để đảm bảo cho quá trình hoạt động kinh doanh được liên tục.

❖ **Kế toán tài sản cố định**

Có nhiệm vụ chủ yếu là phản ánh số hiện có, tình hình tăng giảm của TSCĐ, kể cả về số lượng, chất lượng và giá trị của TSCĐ. Từ đó hạch toán vào sổ chi tiết quản lý chặt chẽ việc sử dụng, mua sắm, sửa chữa, tính khấu hao, thanh lý, nhượng bán TSCĐ.

**2.1.4.3. Đặc điểm tổ chức công tác kế toán tại công ty**

❖ **Chế độ chứng từ, tài khoản kế toán**

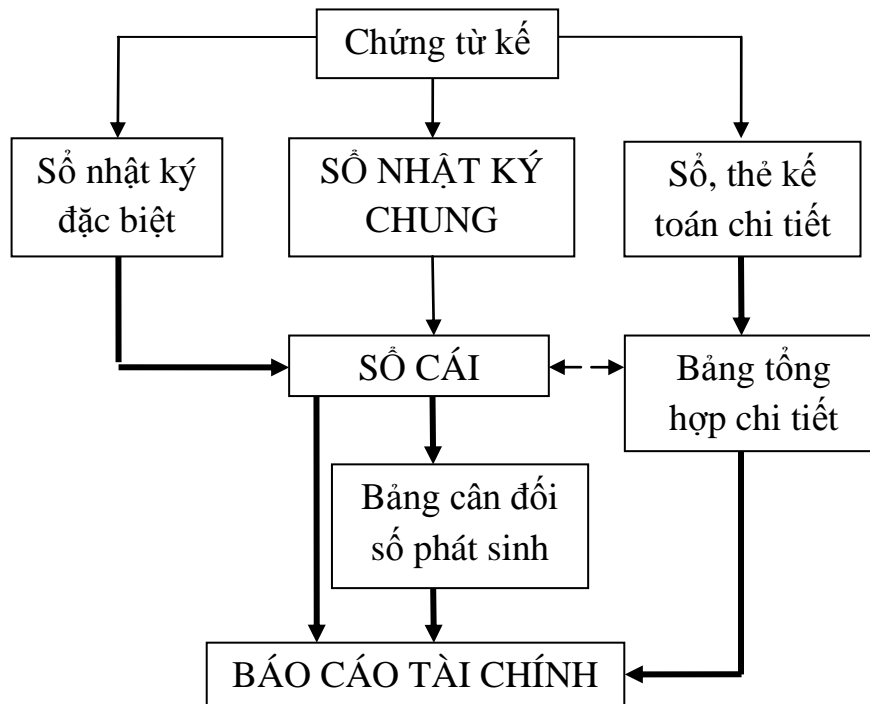
Các danh mục chứng từ, tài khoản, hệ thống báo cáo được công ty áp dụng theo Quyết định số 48/2006/QĐ – BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính và các văn bản pháp lý khác hiện hành có liên quan.

❖ **Phương pháp kế toán**

- Doanh nghiệp hạch toán thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ.
- Phương pháp khấu hao TSCĐ: khấu hao đường thẳng.
- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: theo phương pháp kê khai thường xuyên.
- Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho cuối năm: bình quân gia quyền.

❖ **Hình thức kế toán**

Công ty áp dụng hình thức **Nhật ký chung**

**Ghi chú:**

- Ghi hàng ngày
- Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ
- ← → Quan hệ đối chiếu.

**Sơ đồ 2.3: Trình tự ghi sổ kế toán**

Hàng ngày căn cứ vào các chứng từ đã kiểm tra được dùng làm căn cứ ghi sổ, trước hết ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật ký chung, sau đó căn cứ số liệu đã ghi trên sổ Nhật ký chung để ghi vào Sổ Cái theo các tài khoản kế toán phù hợp.

Cuối tháng, cuối quý, cuối năm cộng số liệu trên Sổ Cái, lập Bảng cân đối số phát sinh. Sau khi đã kiểm tra đối chiếu khớp đúng, số liệu ghi trên Sổ Cái và bảng tổng hợp chi tiết được dùng để lập Báo cáo tài chính.

## **2.2. Thực trạng tổ chức công tác kế toán chi phí, doanh thu và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Nam Sơn**

### **2.2.1. Kế toán chi phí**

### 2.2.1.1. Kế toán giá vốn hàng bán

#### ❖ Nội dung giá vốn hàng bán tại công ty

##### • Đối với sản phẩm xây lắp:

Khi công trình hoàn thành bàn giao cho chủ đầu tư, kế toán bàn giao công trình ghi nhận doanh thu, đồng thời kế toán phải ghi nhận giá vốn của công trình:

**Nợ TK 632**

**Có TK 154**

Giá thành của công trình hoàn thành bao gồm toàn bộ chi phí để xây dựng lên công trình đó.

##### • Đối với hàng hóa

$$\begin{array}{r} \text{Giá trị hàng} \\ \text{xuất kho} \\ \text{trong kỳ} \end{array} = \begin{array}{r} \text{Giá trị hàng} \\ \text{hóa tồn kho} \\ \text{đầu kỳ} \end{array} + \begin{array}{r} \text{Giá trị hàng} \\ \text{hóa nhập kho} \\ \text{trong kỳ} \end{array} - \begin{array}{r} \text{Giá trị} \\ \text{hàng hóa} \\ \text{tồn kho} \\ \text{cuối kỳ} \end{array}$$

Tại công ty, trị giá vốn hàng xuất bán được tính theo phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ dự trữ. Cũng do công ty bán hàng theo giá thị trường mà giá thị trường luôn có xu hướng tăng, nên trong kỳ khi xuất kho kế toán chỉ theo dõi sự biến động về số lượng của hàng hóa. Cuối tháng, kế toán sẽ tập hợp lượng nhập, xuất, giá trị hàng nhập kho trong tháng để tính giá vốn hàng xuất bán.

$$\text{Trị giá hàng xuất kho} = \text{SL hàng hóa xuất kho} \times \text{Giá mua ĐVBQ}$$

$$\begin{array}{r} \text{Giá ĐV} \\ \text{thực tế} \\ \text{BQ cả kỳ} \end{array} = \frac{\begin{array}{r} \text{Giá của hàng hóa tồn} \\ \text{đầu kỳ} \end{array} + \begin{array}{r} \text{Trị giá thực tế của hàng} \\ \text{hóa nhập trong kỳ} \end{array}}{\begin{array}{r} \text{SL hàng hóa tồn đầu} \\ \text{kỳ} \end{array} + \begin{array}{r} \text{SL hàng hóa nhập trong} \\ \text{kỳ} \end{array}}$$

#### ❖ Chứng từ sử dụng

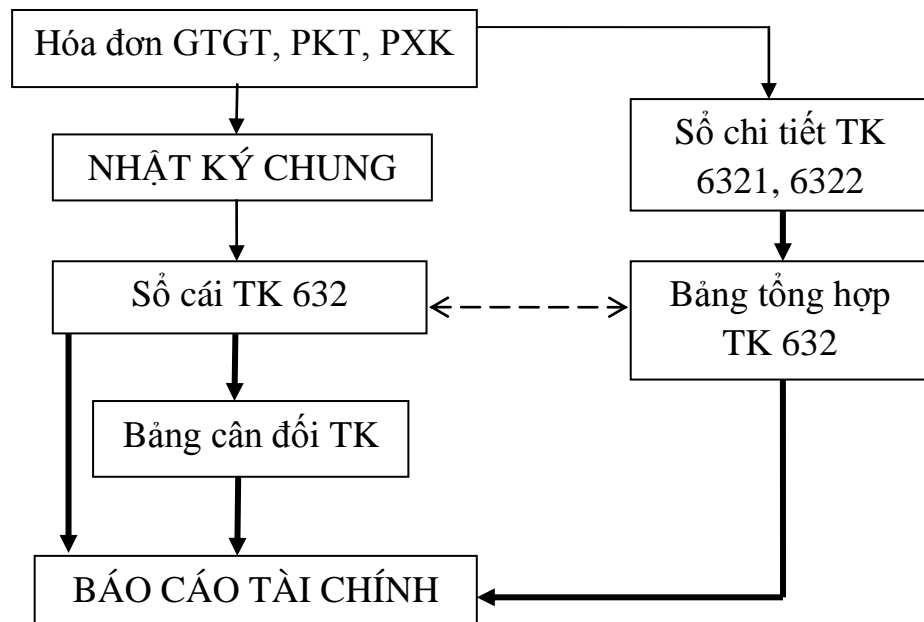
- Hóa đơn GTGT
- Phiếu xuất kho
- Phiếu kế toán

❖ **Tài khoản sử dụng**

TK 632: Giá vốn hàng bán

+TK 6321: Giá vốn hàng bán thương mại

+TK 6322: Giá vốn xây lắp

❖ **Quy trình kế toán giá vốn hàng bán tại công ty****Ghi chú**

- Ghi hàng ngày
- Ghi cuối kỳ
- Quan hệ đối chiếu

**Sơ đồ 2.4: Quy trình kế toán giá vốn hàng bán**❖ **Khảo sát số liệu**

\_ Ngày 12/11/2012 công ty bàn giao công trình nhà ở cho ông Đoàn Văn Hải (công trình được khởi công từ ngày 8/9/2012) với số tiền là 429.000.000 (cả VAT 10%). Giá vốn công trình là 350.000.000. Công ty chưa được thanh toán số tiền trên.

Kế toán tiến hành định khoản

**Nợ TK 6322:350.000.000****Có TK 154:350.000.000**

**Biểu 2.1 : Phiếu kế toán số 12**

<b>Địa chỉ :</b> Nam Sơn - An Dương - HP				
<b>Đơn vị :</b> Công ty TNHH XD&TM Nam Sơn				
<b>PHIẾU KẾ TOÁN</b>				
Ngày 12 tháng 11 năm 2012Số 19				
STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
1	Kết chuyển giá vốn công trình nhà ở (Đoàn Văn Hải)	632		350.000.000
			154	350.000.000
Ngày 12 tháng 6 năm 2012				
Người lập biểu				

(Nguồn: Phòng kế toán công ty TNHH XD & TM Nam Sơn)

- Ngày 21/12/2012 bán 15.114 kg thép góc L150 x 150 x10 SS400 với đơn giá chưa thuế GTGT 10% là 18.336 đ/kg cho công ty xây dựng An Phát , đã thanh toán bằng tiền gửi ngân hàng.

Cách tính giá xuất kho thép góc L150 x 150 x 10 SS400 theo phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ dự trữ

Tồn đầu kỳ là 96.547kg với giá trị là 1.691.793.081 đ

Các nghiệp vụ nhập trong kỳ

-Ngày 1/12/2012 nhập 54.960 kg với đơn giá 17.689 đồng/kg

-Ngày 9/12/ 2012 nhập 24.732 kg với đơn giá 17.689 đồng/kg

....

$$\begin{array}{l}
 \text{Đơn} \\
 \text{giá} \\
 \text{bình} \\
 \text{quân}
 \end{array}
 = \frac{1.691.793.081 + (54.960 \times 17.689 + 24.732 \times 17.689 + \dots)}{96.547 + 54.960 + 24.732 + \dots} = 17.652 \text{ đ/kg}$$



*Căn cứ vào phiếu xuất kho số 359, kế toán vào Sổ chi tiết TK 6321*

**Biểu 2.3: Sổ chi tiết TK 6321**

<b>Đơn vị :</b> Công ty TNHH XD&TM Nam Sơn		<b>Mẫu số :</b> S38-DN			
<b>Địa chỉ :</b> Nam Sơn-An Dương-HP		<i>(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)</i>			
<b>SỔ CHI TIẾT TK 6321</b>					
Năm 2012					
<i>Đơn vị tính: Đồng</i>					
Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh	
SH	NT			Nợ	Có
		<u>SDĐK</u>			
		SPS trong kỳ			
		....			
PXK 358	20/12	Bán xi măng cho cty TNHH XD Minh Thành	156	26.200.000	
<b>PXK 359</b>	<b>21/12</b>	<b>Thép góc L bán cho Cty TNHH XD An Phát</b>	<b>156</b>	<b>266.792.328</b>	
PXK 360	24/12	Bán xi măng cho anh Phạm Minh Hải	156	3.275.000	
		...			
PKT 23	31/12	Kết chuyển giá vốn	911		2.037.412.023
		Cộng phát sinh		2.960.182.560	2.960.182.560
		<u>SDCK</u>		x	x
<i>Ngày ... tháng ... năm 2012</i>					
<b>Người ghi sổ</b>		<b>Kế toán trưởng</b>		<b>Giám đốc</b>	
<i>(Ký, họ tên)</i>		<i>(Ký, họ tên)</i>		<i>(Ký, họ tên, đóng dấu)</i>	

*(Nguồn: Phòng kế toán công ty TNHH XD & TM Nam Sơn)*

Căn cứ vào Phiếu kế toán số 19, kế toán vào Sổ chi tiết TK 6322

**Biểu 2.4: Sổ chi tiết TK 6322**

<b>Đơn vị :</b> Công ty TNHH XD&TM Nam Sơn		<b>Mẫu số :</b> S38-DN			
<b>Địa chỉ :</b> Nam Sơn-An Dương-HP		<i>(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)</i>			
<b>SỔ CHI TIẾT TK 6322</b>					
Năm 2012					
<i>Đơn vị tính: Đồng</i>					
Chứng từ		Diễn giải	TKĐ Ư	Số phát sinh	
SH	NT			Nợ	Có
		<u>SDĐK</u>			
		SPS trong kỳ			
		....			
PKT 10	20/10	Bàn giao công trình cấp thoát nước Nam Sơn	154	32.200.000	
		....			
<b>PKT 19</b>	<b>12/11</b>	<b>Bàn giao công trình nhà ở cho ông Đoàn Văn Hải</b>	<b>154</b>	<b>350.000.000</b>	
		...			
PKT 23	31/12	Kết chuyển giá vốn	911		17.736.192.311
		Cộng phát sinh		17.736.192.311	17.736.192.311
		<u>SDCK</u>		x	x
<i>Ngày ... tháng ... năm 2012</i>					
<b>Người ghi sổ</b> <i>(Ký, họ tên)</i>		<b>Kế toán trưởng</b> <i>(Ký, họ tên)</i>		<b>Giám đốc</b> <i>(Ký, họ tên, đóng dấu)</i>	

*(Nguồn: Phòng kế toán công ty TNHH XD & TM Nam Sơn)*



Từ sổ chi tiết TK 6321 và Sổ chi tiết TK 6322, kế toán lập Bảng tổng hợp chi tiết TK 632

**Biểu 2.6: Bảng tổng hợp chi tiết TK 632**

<b>Đơn vị :</b> Công ty TNHH XD&TM Nam Sơn		<b>Mẫu số :</b> S38 - DN		
<b>Địa chỉ :</b> Nam Sơn-An Dương-HP		<i>(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)</i>		
<b>BẢNG TỔNG HỢP CHI TIẾT TK 632</b>				
Năm 2012				
Số dư đầu kỳ: 0				
STT	Số hiệu TK	Diễn giải	Số phát sinh	
			Nợ	Có
1	6321	Thương mại	2.960.182.560	2.960.182.560
2	6322	Xây lắp	17.736.192.311	17.736.192.311
		Tổng số phát sinh	20.696.374.870	20.696.374.870
<b>Số dư cuối kỳ: 0</b>				
<i>Ngày ... tháng ... năm 2012</i>				
<b>Người ghi sổ</b>		<b>Kế toán trưởng</b>		<b>Giám đốc</b>
<i>(Ký, họ tên)</i>		<i>(Ký, họ tên)</i>		<i>(Ký, họ tên, đóng dấu)</i>

*(Nguồn: Phòng kế toán công ty TNHH XD & TM Nam Sơn)*

Căn cứ vào Phiếu kế toán số 19 và Phiếu xuất kho số 359, kế toán định khoản nghiệp vụ phát sinh vào Sổ Nhật ký chung

**Biểu 2.5: Sổ Nhật ký chung quý IV/ 2012**

**Đơn vị :** Công ty TNHH XD&TM Nam Sơn

**Mẫu số :** S03 - DN

**Địa chỉ :** Nam Sơn-An Dương-HP

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC

Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC

**NHẬT KÝ CHUNG**

**Năm 2012**

*Đơn vị tính: đồng*

NT ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi Sổ cái	Số hiệu TK	Số phát sinh	
	SH	NT				Nợ	Có
			....				
12/11	PKT 19	12/11	K\c giá vốn công trình nhà ở (ĐVK)	x	632 154	350.000.000	350.000.000
			....				
31/12	PX 359	21/12	Bán thép góc L150 x 150 x10 SS400	x	632 156	266.792.328	266.792.328
			....				
31/12	PKT 23	31/12	K\c giá vốn	x	911 632	20.696.374.870	20.696.374.870
			...				
			Cộng số phát sinh			<b>274.239.989.810</b>	<b>274.239.989.810</b>

Ngày...tháng...năm 2012

**Người ghi sổ**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

**Giám đốc**  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Căn cứ vào Phiếu kế toán số 19 và phiếu xuất kho số 359, kế toán chuyển số liệu từ Sổ Nhật ký chung vào Sổ Cái TK 632

**Biểu 2.7: Sổ cái TK 632**

<b>Đơn vị :</b> Công ty TNHH XD&TM Nam Sơn		<b>Mẫu số :</b> S02b-DN			
<b>Địa chỉ :</b> Nam Sơn-An Dương-HP		<i>(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)</i>			
<b>SỔ CÁI</b>					
Năm 2012					
Tên tài khoản : <b>Giá vốn hàng bán</b>					
Số hiệu : <b>632</b>					
Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
NT	SH			Nợ	Có
		Số dư đầu kỳ		x	x
		Số phát sinh trong kỳ			
		....			
12/11	PKT 19	<b>Kết chuyển giá vốn công trình nhà ở (Đoàn Văn Khải)</b>	154	350.000.000	
		...			
21/12	PX 359	<b>Bán thép góc L150 x 150 x10 SS400</b>	156	266.792.328	
		....			
31/12	PKT 23	Kết chuyển giá vốn	911		20.696.374.870
		Cộng phát sinh		20.696.374.870	20.696.374.870
		Số dư cuối kỳ		x	x

Ngày ... tháng ... năm 2012

<b>Người ghi sổ</b>	<b>Kế toán trưởng</b>	<b>Giám đốc</b>
(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn: Phòng kế toán công ty TNHH XD & TM Nam Sơn)

### 2.2.1.2. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh

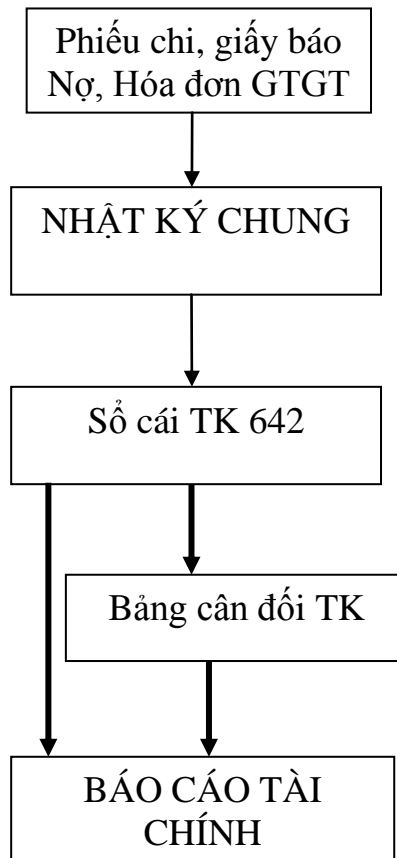
#### ❖ Chứng từ sử dụng

- Phiếu chi
- Hóa đơn GTGT...
- Sổ phụ và giấy báo Nợ của ngân hàng
- Các chứng từ khác có liên quan

#### ❖ Tài khoản sử dụng

TK 642: chi phí quản lý doanh nghiệp

#### ❖ Quy trình kế toán chi phí quản lý kinh doanh



#### Ghi chú

- Ghi hàng ngày
- Ghi cuối kỳ

#### Sơ đồ 2.5: Quy trình kế toán chi phí quản lý kinh doanh

**❖ Khảo sát số liệu**

– Ngày 10/12 công ty thanh toán tiền cước điện thoại bằng tiền mặt, số tiền là 2.818.693 đồng.

Căn cứ vào hóa đơn tiền điện thoại và phiếu chi, kế toán ghi sổ kế toán theo định khoản sau:

**Nợ TK 642:                    2.562.448**

**Nợ TK 133:                    256.245**

**Có TK 111: 2.818.693**



**Biểu 2.9: Phiếu chi số 1205****Đơn vị :** Công ty TNHH XD&TM Nam Sơn**Mẫu số :** 02-TT**Địa chỉ :** Nam Sơn - An Dương – HP (Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC  
Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)**PHIẾU CHI**

Ngày 10 tháng 12 năm 2012

Số : 1205

Nợ TK 642 : 2.652.448

Nợ TK 133 : 265.245

Có TK 111 : 2.818.693

Họ và tên người nhận tiền : **Trương Thị Mai**

Địa chỉ : Phòng kế toán

Lý do cho : Thanh toán tiền điện thoại

Số tiền : 2.818.693 đồng (Viết bằng chữ) : Hai triệu tám  
trăm mười tám nghìn sáu trăm chín mươi ba đồng

Kèm theo : 01 chứng từ gốc : HĐ GTGT 0645845

Ngày 10 tháng 12 năm 2012

<b>Giám đốc</b>	<b>Kế toán trưởng</b>	<b>Thủ quỹ</b>	<b>Người lập phiếu</b>	<b>Người nhận tiền</b>
(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)

Đã nhận đủ số tiền (Viết bằng chữ) : Hai triệu tám trăm mười  
tám nghìn sáu trăm chín mươi ba đồng

+ Tỷ giá ngoại tệ (vàng, bạc, đá quý) :.....

+ Số tiền quy đổi :.....

(Nguồn: Phòng kế toán công ty TNHH XD &amp; TM Nam Sơn)

- *Tính lương tháng 12 cho bộ phận QLDN*

<b>1.Nợ TK 642 :</b>	<b>42.451.250</b>
<b>    Có TK 334 :</b>	<b>42.451.250</b>
<b>2.Nợ TK 642:</b>	<b>9.763.787</b>
<b>    Nợ TK 334:</b>	<b>4.032.869</b>
<b>    Có TK 338 :</b>	<b>13.796.656</b>
<b>3.Nợ TK 334:</b>	<b>38.418.381</b>
<b>    Có TK 111:</b>	<b>38.418.38</b>



**Biểu 2.10: Bảng chấm công tháng 12/2012**

Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Nam Sơn

Bộ phận: Văn phòng

**BẢNG CHẤM CÔNG**

Tháng 12 /2012

STT	Họ tên	Chức vụ	Ngày trong tháng																	Tổng cộng
			T7	CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7	CN	...	T3	T4	T5	T6	T7	CN	T2	
			1	2	3	4	5	6	7	8	9	...	25	26	27	28	29	30	31	
1	Nguyễn Đức Toàn	GD	+		+	+	+	+	+	+	+		+	+	+	+	+		+	26
2	Hoàng Văn Hùng	PGD	+		+	+	+	+	+	+	+		+	+	+	+	+		+	26
3	Lê Thị Chuyên	KTT	+		+	+	+	+	+	+	+		+	+	+	+	+		+	26
4	Phạm Trung Tiến	TPTC	+		+	+	+	+	+	+	+		+	+	+	+	+		+	26
5	Đoàn Thị Hà	NV	+		+	+	+	+	+	+	+		+	+	+	+	+		+	26
	....																			

*(Nguồn: Phòng kế toán công ty TNHH XD & TM Nam Sơn)*

**Biểu 2.11: Bảng phân bổ lương và BHXH tháng 12/2012 (trích bộ phận Quản lý doanh nghiệp)**

Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Nam Sơn

Bộ phận: Văn phòng

**BẢNG PHÂN BỔ LƯƠNG VÀ BHXH****(trích bộ phận Quản lý doanh nghiệp )**

Tháng 12/2012

STT	Họ tên	CV	Hệ số lương	Lương cơ bản	Phụ cấp	Tổng lương	Các khoản trích theo lương tính vào chi phí					Các khoản trích trừ vào lương			
							BHXH	BHYT	BHTN	KPCĐ	Cộng	BHXH	BHYT	BHTN	Cộng
							17 %	3 %	1 %	2 %	23 %	7 %	1.5 %	1 %	9.5 %
1	Nguyễn Đức Toàn	GD	5.2	5.460.000	300.000	5.760.000	979.200	172.800	57.600	115.200	1324.800	403.200	86.400	57.600	547.200
2	Hoàng Văn Hùng	PGD	4.7	4.935.000	300.000	5.235.000	889.950	157.050	52.350	104.700	1.204.050	366.450	78.525	52.350	497.325
3	Lê Thị Chuyên	KTT	4.33	4.546.500	300.000	4.846.500	823.905	145.395	48.465	96.930	1.114.695	339.255	72.697	48.465	460.417
4	Phạm Trung Tiến	TPTC	4.2	4.410.000	300.000	4.710.000	800.700	141.300	47.100	94.200	1.083.300	329.700	70.650	47.100	447.450
5	Đoàn Thị Hà	NV	3.33	3.496.50	-	3.496.500	594.405	104.895	34.965	69.930	804.195	244.755	52.447	34.965	332.167
	...														
	<b>Tổng cộng</b>			<b>42.451.250</b>	<b>2.100.000</b>	<b>42.451.250</b>	<b>7.216.713</b>	<b>1.273.538</b>	<b>424.512</b>	<b>849.025</b>	<b>9.763.788</b>	<b>2.971.588</b>	<b>636.768</b>	<b>424.513</b>	<b>4.032.869</b>

Căn cứ vào Hóa đơn tiền điện số 0645845, phiếu chi số 1205 và Bảng phân bổ lương và BHXH tháng 12, kế toán định khoản vào Sổ Nhật ký chung

**Biểu 2.12: Sổ nhật ký chung**

<b>Đơn vị :</b> Công ty TNHH XD&TM Nam Sơn				<b>Mẫu số :</b> S03a-DN		
<b>Địa chỉ :</b> Nam Sơn - An Dương – HP				<i>(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)</i>		
<b>SỔ NHẬT KÝ CHUNG</b>						
<b>Năm 2012</b>						
Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi Sổ Cái	Số hiệu TK	Số phát sinh	
Ngày tháng	Số CT				Nợ	Có
		...				
<b>10/12</b>	<b>PC 1205</b>	<b>Thanh toán tiền điện thoại tháng 11</b>	<b>x</b>	<b>642</b>	<b>2.652.448</b>	
				<b>133</b>	<b>265.245</b>	
				<b>111</b>		<b>2.818.693</b>
		...				
<b>31/12</b>	<b>Bảng PB lương</b>	<b>Tính lương tháng 12 cho bộ phận quản lý</b>	<b>x</b>	<b>642</b>	<b>42.451.250</b>	
				<b>334</b>		<b>42.451.250</b>
<b>31/1 2</b>	<b>Bảng PB lương</b>	<b>Các khoản trích theo lương</b>	<b>x</b>	<b>642</b>	<b>9.763.787</b>	
				<b>334</b>	<b>4.032.869</b>	
				<b>338</b>		<b>9.763.869</b>
<b>31/12</b>	<b>PKT 23</b>	<b>K\c chi phí QLKD</b>	<b>x</b>	911	1.128.815.621	1.128.815.621
				642	1.128.815.621	1.128.815.621
		.....			....	....
		<b>Cộng phát sinh</b>			<b>274.239.989.810</b>	<b>274.239.989.810</b>
<i>Ngày ... tháng ... năm 2012</i>						
<b>Người ghi sổ</b>		<b>Kế toán trưởng</b>		<b>Giám đốc</b>		
<i>(Ký, họ tên)</i>		<i>(Ký, họ tên)</i>		<i>(Ký, họ tên, đóng dấu)</i>		

*(Nguồn: Phòng kế toán công ty TNHH XD & TM Nam Sơn)*

Từ Sổ Nhật ký chung, kê toán chuyển số liệu vào Sổ Cái TK 642

**Biểu 2.13: Sổ cái TK 642**

<b>Đơn vị :</b> Công ty TNHH XD&TM Nam Sơn			<b>Mẫu số :</b> S02b-DN		
<b>Địa chỉ :</b> Nam Sơn-An Dương-HP			<i>(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)</i>		
<b>SỔ CÁI</b>					
Năm 2012					
Tên tài khoản : <b>Chi phí quản lý kinh doanh</b>					
Số hiệu : <b>642</b>					
Chứng từ		Diễn giải	SHTK ĐƯ	Số tiền	
Ngày	SH			Nợ	Có
		Số dư đầu kỳ		x	x
		Số phát sinh trong kỳ			
		....			
10/12	PC 1206	<b>Thanh toán tiền điện tháng 11</b>	111	2.652.448	
		....			
31/12	Bảng PB lương	<b>Tính lương T12 cho bộ phận QLDN</b>	334	42.451.250	
31/12	Bảng PB lương	<b>Các khoản trích theo lương</b>	338	9.763.787	
31/12	PKT 23	<b>Kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh</b>	911		1.128.815.621
		Cộng phát sinh		1.128.815.621	1.128.815.621
		Số dư cuối kỳ		x	x
<i>Ngày ... tháng ... năm 2012</i>					
<b>Người ghi sổ</b>		<b>Kế toán trưởng</b>		<b>Giám đốc</b>	
<i>(Ký, họ tên)</i>		<i>(Ký, họ tên)</i>		<i>(Ký, họ tên, đóng dấu)</i>	

*(Nguồn: Phòng kế toán công ty TNHH XD & TM Nam Sơn)*

### 2.2.1.3. Kế toán chi phí hoạt động tài chính

Chi phí hoạt động tài chính của công ty chỉ có các khoản vay ngân hàng.

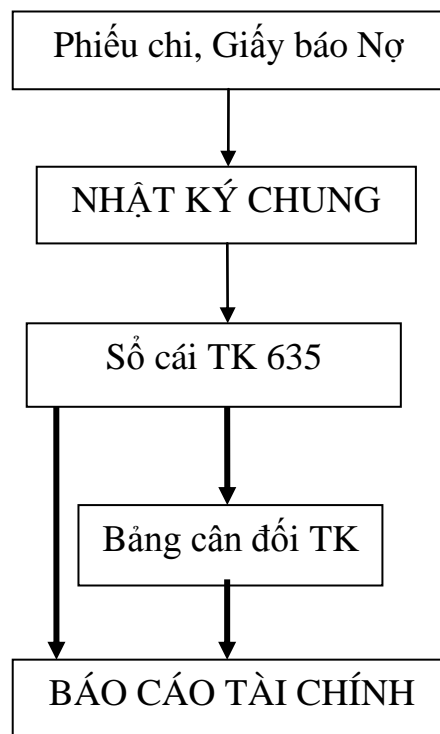
#### ❖ Chứng từ sử dụng

- Phiếu chi
- Giấy báo Nợ
- Các chứng từ liên quan

#### ❖ Tài khoản sử dụng

TK 635: Chi phí hoạt động tài chính

#### ❖ Quy trình kế toán



#### Ghi chú

- Ghi hàng ngày
- Ghi cuối kỳ

### Sơ đồ 2.6: Quy trình kế toán chi phí hoạt động tài chính

**❖ Khảo sát số liệu**

Ngày 23/12/2012, công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Nam Sơn thanh toán tiền lãi vay ngân hàng Công thương Việt Nam, số tiền là 3.124.256 đ. Khoản lãi vay này, ngân hàng TMCP thu lãi qua tài khoản ngân hàng của công ty tại ngân hàng.

Kế toán định khoản như sau:

**Nợ TK 635:3.124.256**

**Có TK 112:3.124.256**

Căn cứ vào Giấy báo Nợ của Ngân hàng tiền hành ghi vào Sổ Nhật ký chung. Cuối kỳ, kế toán vào Sổ Cái TK 515. Từ Sổ Cái để lập Bảng cân đối tài khoản, sau đó lập Báo cáo tài chính.

**Biểu 2.14: Giấy báo Nợ**

Ngân hàng TMCP Công thương VN	
<b>GIẤY BÁO NỢ</b>	
Ngày 23 tháng 12 năm 2012	
Kính gửi: Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Nam Sơn	
Hôm nay, chúng tôi xin báo đã ghi Nợ tài khoản của quý khách với nội dung sau:	
Số tài khoản ghi NỢ : 0037000021009	
Số tiền bằng số: <b>3.124.256</b>	
Số tiền bằng chữ: Ba triệu một trăm hai mươi bốn nghìn hai trăm lăm mươi sáu đồng.	
Nội dung: Chi phí lãi vay	
Giao dịch viên	Kiểm soát

(Nguồn: Phòng kế toán công ty TNHH XD & TM Nam Sơn)

**Biểu số 2.15: Phiếu hạch toán giao dịch khách hàng**

<b>PHIẾU HẠCH TOÁN GIAO DỊCH KHÁCH HÀNG</b>	
Số/ Seq No:	
Ngày / Date ...../...../.....	
Hạch toán theo loại chứng từ: <input type="checkbox"/> Ủy nhiệm chi / Payment order <input type="checkbox"/> Thu nợ vay / Loan payment <input type="checkbox"/> Loại khác / Other	<input type="checkbox"/> Ủy nhiệm thu / Collection order <input type="checkbox"/> Hóa đơn bảo hiểm / Receipt
321 HOAPTT 20 HAPPTT20 00-37-00-002100-9VNĐ Cty TNHH XD & TM Nam Sơn 23/12/2012 9:12:08 4013 TRF 00-37-00-002100-9VNĐ Cty TNHH XD & TM Nam Sơn DR 3.124.256 VNĐ 1.0000000 CR 3.124.256 VNĐ 1.0000000 Phí 0.00VNĐ VAT 0.00 1.0000000 MST: 0200625351 T.toán Phí/CKG COLL 0.00 VNĐ 1.0000000 HTLS TK vay 00-37-00-002100-9 So tien goc 0.00 Lai 3.124.256 Lai tra cham 0.00	
Giao dịch viên / Received                      Kiểm soát / Verified by	

*(Nguồn: Phòng kế toán công ty TNHH XD & TM Nam Sơn)*

**Biểu số 2.16: Sổ nhật ký chung**

<b>Đơn vị :</b> Công ty TNHH XD&TM Nam Sơn		<b>Mẫu số :</b> S03a-DN				
<b>Địa chỉ :</b> Nam Sơn - An Dương - HP (Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)						
<b>SỔ NHẬT KÝ CHUNG</b> <b>Năm 2012</b>						
Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi Sổ Cái	Số hiệu TK	Số phát sinh	
NT	SH				Nợ	Có
		...				
12/12	GBC	Nhận lãi tiền gửi ngân hàng	x	112	415.875	
				515		415.875
		....				
23/12	GBN	Trả lãi vay ngân hàng	x	635	3.124.256	
				112		3.142.256
31/12	PKT 23	Kết chuyển chi phí hoạt động tài chính	x	911	2.362.936.653	
				635		2.362.936.653
		.....			....	....
		Cộng phát sinh			274.239.989.810	274.239.989.810
				<i>Ngày ... tháng ... năm 2012</i>		
<b>Người ghi sổ</b> (Ký, họ tên)		<b>Kế toán trưởng</b> (Ký, họ tên)		<b>Giám đốc</b> (Ký, họ tên, đóng dấu)		

(Nguồn: Phòng kế toán công ty TNHH XD & TM Nam Sơn)



**Biểu số 2.17: Sổ Cái TK 635****Đơn vị :** Công ty TNHH XD&TM Nam Sơn**Mẫu số :** S02b-DN**Địa chỉ :** Nam Sơn-An Dương-HP*(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC**Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)***SỔ CÁI**

Năm 2012

Tên tài khoản : **Chi phí hoạt động tài chính**Số hiệu : **635**

Chứng từ		Diễn giải	SHTK ĐƯ	Số tiền	
Ngày	SH			Nợ	Có
		<u>Số dư đầu kỳ</u>		x	x
		Số phát sinh trong kỳ			
		....			
<b>23/12</b>	<b>GBN</b>	<b>Trả lãi vay ngân hàng</b>	112	3.124.256	
		...			
31/12	PKT 23	Kết chuyển chi phí hoạt động tài chính	911		2.362.936.653
		Cộng phát sinh		2.362.936.653	2.362.936.653
		<u>Số dư cuối kỳ</u>		x	x

Ngày ... tháng ... năm 2012

**Người ghi sổ**  
(Ký, họ tên)**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)**Giám đốc**  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn: Phòng kế toán công ty TNHH XD &amp; TM Nam Sơn)

### 2.2.1.4. Kế toán chi phí khác

Chi phí khác là các chi phí phát sinh trong quá trình thanh lý, nhượng bán TSCĐ, phế liệu,...

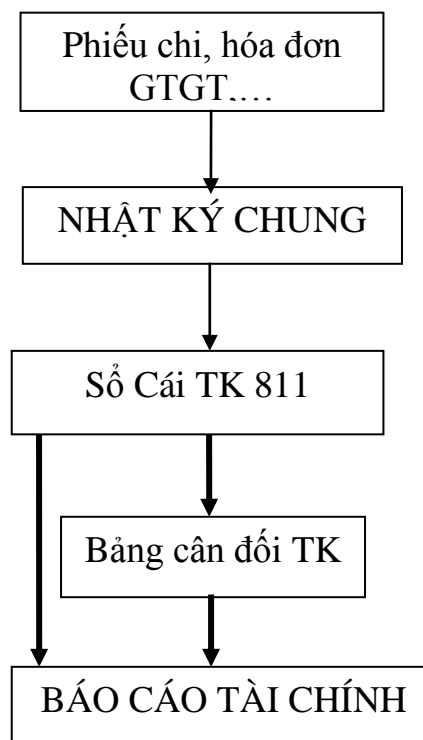
#### ❖ Chứng từ sử dụng

- Biên bản thanh lý, nhượng bán TSCĐ
- Phiếu chi
- Hóa đơn GTGT...

#### ❖ Tài khoản sử dụng

TK 811 – Chi phí khác

#### ❖ Quy trình kế toán



#### Ghi chú

- Ghi hàng ngày
- Ghi cuối kỳ

#### Sơ đồ 2.7: Quy trình kế toán chi phí khác

**❖ Khảo sát số liệu**

Ngày 8/12/2012, công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Nam Sơn tiến hành nhượng bán máy cắt sắt SIG 501 có nguyên giá là 70.000.000, đã trích khấu hao được 5 năm, giá trị còn lại của TSCĐ trên là 19.166.667. Công ty đã bán được chiếc máy trên với giá 11.000.000 (đã có VAT 10%) cho ông Lê Văn Long và đã thu bằng tiền mặt.

Kế toán định khoản

**+Nợ TK 214:50.833.333**

**Nợ TK 811:19.166.667**

**Có TK 211:70.000.000**

Căn cứ vào biên bản thanh lý TSCĐ số 25 kế toán ghi chép nghiệp vụ trên vào sổ Nhật ký chung, từ sổ Nhật ký chung kế toán chuyển số liệu vào Sổ Cái TK 811. Cuối kỳ kế toán lập Bảng cân đối kế toán và Báo cáo tài chính.

**Biểu số 2.18: Biên bản thanh lý TSCĐ****Đơn vị :** Công ty TNHH XD&TM Nam Sơn**Mẫu số :** 02 - TSCĐ**Địa chỉ :** Nam Sơn-An Dương-HP*(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC**Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)***BIÊN BẢN THANH LÝ TSCĐ**

Ngày 8 tháng 12 năm 2012

Số 25

Nợ TK 214:50.833.333

Nợ TK 811:19.166.667

Có TK 211:70.000.000

– Căn cứ vào Quyết định số 102/2012 ngày 5 tháng 12 năm 2012 của Giám đốc về việc thanh lý tài sản cố định

**I. Ban thanh lý TSCĐ gồm:**

– Ông/ Bà: Trương Văn Bảo Chức vụ: Nhân viên Đại diện

– Ông / Bà: Phạm Trung Hiếu Chức vụ: Nhân viên Đại diện

**II. Tiến hành thanh lý TSCĐ:**

– Tên, ký mã hiệu, quy cách (cấp hạng) TSCĐ: Máy cắt sắt SIG 501

– Số hiệu TSCĐ: SIG 501

– Nước sản xuất: Nhật Bản

– Năm sản xuất: 2007

– Năm đưa vào sử dụng: 2007 Số thẻ TSCĐ:

– Nguyên giá TSCĐ: 70.000.000

– Giá trị hao mòn đã trích đến thời điểm thanh lý: 50.833.333

– Giá trị còn lại của TSCĐ: 19.166.667

**III. Kết luận của ban thanh lý TSCĐ**

Ngày 8 tháng 12 năm 2012

**Trưởng ban thanh lý**

(Ký, họ tên)

**IV. Kết quả thanh lý TSCĐ:**

– Chi phí thanh lý TSCĐ:

– Giá trị thu hồi: 10.000.000 (viết bằng chữ) Mười triệu đồng chẵn

– Đã ghi giảm sổ TSCĐ ngày 8 tháng 12 năm 2012

Ngày ... tháng ... năm 2012

**Giám đốc**

(Ký, họ tên, đóng dấu)

**Kế toán trưởng**

(Ký, họ tên)

**Biểu số 2.19: Sổ Nhật ký chung**

<b>Đơn vị :</b> Công ty TNHH XD&TM Nam Sơn				<b>Mẫu số :</b> S03a-DN		
<b>Địa chỉ :</b> Nam Sơn - An Dương – HP (Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)						
<b>SỔ NHẬT KÝ CHUNG</b> <b>Năm 2012</b>						
Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi SỔ Cái	Số hiệu TK	Số phát sinh	
NT	Số CT				Nợ	Có
		...				
8/12	BBTL TSCĐ	Xóa sổ TSCĐ	x	214	50.833.333	
				811	19.166.667	
				211		70.000.000
8/12	HĐ 1378	Thanh lý máy cắt sắt SIG 501	x	111	11.000.000	
				711		10.000.000
				3331		1.000.000
		....				
31/12	PKT 23	Kết chuyển chi phí khác	x	811	474.355.172	
				911		474.355.172
		....				
		Cộng phát sinh			274.239.989.810	274.239.989.810
Ngày ... tháng ... năm 2012						
<b>Người ghi sổ</b>		<b>Kế toán trưởng</b>		<b>Giám đốc</b>		
(Ký, họ tên)		(Ký, họ tên)		(Ký, họ tên, đóng dấu)		

(Nguồn: Phòng kế toán công ty TNHH XD &amp; TM Nam Sơn)



## **2.2.2.Kế toán doanh thu**

### **2.2.2.1.Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

#### **2.2.2.1.1 Phương thức bán hàng tại Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Nam Sơn**

Lĩnh vực kinh doanh chính của công ty là nhận xây dựng công trình dân dụng, giao thông thủy lợi và thương mại – buôn bán vật liệu xây dựng.

##### **❖ Xây dựng**

Công ty sử dụng phương thức tiêu thụ trực tiếp. Sau khi trúng thầu, bên mua ký kết hợp đồng xây dựng với công ty. Công ty căn cứ vào hợp đồng để tiến hành cung ứng kịp thời.

Doanh thu được ghi nhận theo phương pháp sau: Khi kết quả thực hiện hợp đồng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Công ty sử dụng phương thức thanh toán bằng tiền mặt và tiền gửi ngân hàng:

- Đối với hình thức thanh toán bằng tiền mặt: khi phát sinh nghiệp vụ bán hàng, kế toán lập Hóa đơn GTGT. Khi khách hàng thanh toán bằng tiền mặt, kế toán tiến hành viết phiếu thu.

- Đối với phương thức thanh toán theo ngân hàng, kế toán viết Hóa đơn GTGT, ghi nhận doanh thu. Khi nhận được Hóa đơn GTGT, khách hàng sẽ tiến hành chuyển tiền qua ngân hàng, công ty sẽ nhận được chứng từ giao dịch từ ngân hàng về số tiền đã thanh toán của khách hàng.

##### **❖ Thương mại:**

Hiện nay, để đáp ứng từng loại mặt hàng với từng đối tượng mua bán khác nhau, công ty áp dụng hình thức bán hàng trực tiếp, gồm bán buôn và bán lẻ.

•Bán buôn: Việc bán hàng thông qua các hợp đồng kinh tế được ký kết giữa các tổ chức bán buôn với doanh nghiệp: doanh nghiệp sản xuất, công ty thương mại...Phương thức bán hàng này chủ yếu thanh toán bằng chuyển khoản. Khi bên mua chấp nhận thanh toán hoặc thanh toán ngay thì hàng hóa được xác định là tiêu thụ.

•Bán lẻ: Theo hình thức này, khách hàng đến mua tại cửa hàng, nhân viên bán hàng trực tiếp thu tiền và giao hàng cho khách. Hình thức thanh toán chủ yếu bằng tiền mặt. Thời điểm xác định tiêu thụ là thời điểm nhận được báo cáo bán hàng của nhân viên bán hàng.

#### **2.2.2.1.2. Chứng từ sử dụng**

- Hóa đơn GTGT
- Phiếu thu
- Phiếu xuất
- Chứng từ giao dịch của ngân hàng
- Các chứng từ khác có liên quan

#### **2.2.2.1.3. Tài khoản sử dụng**

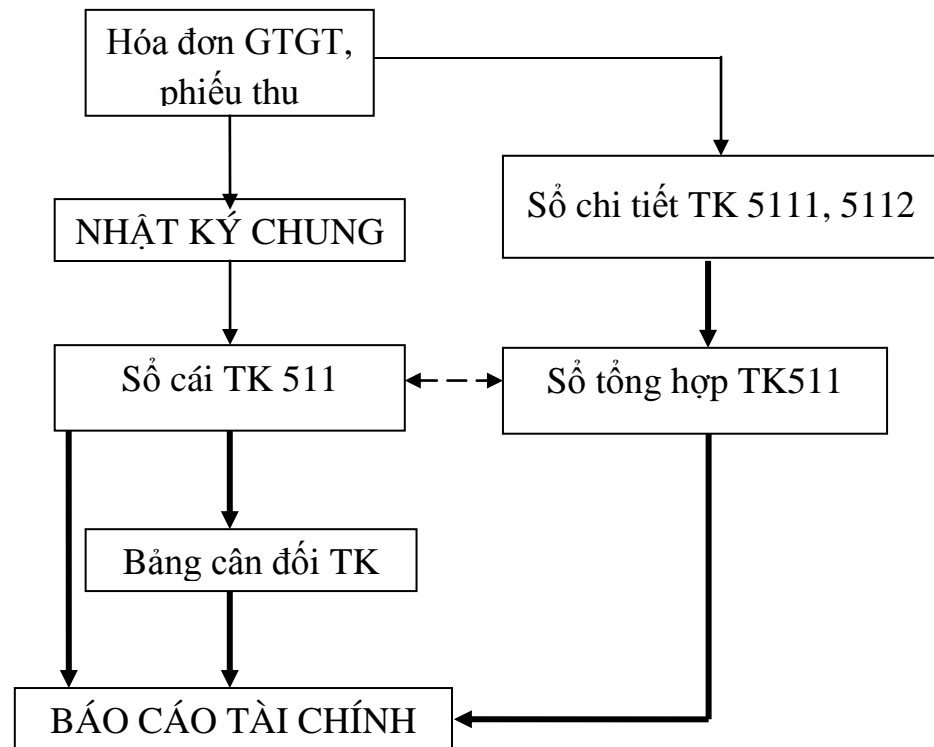
TK 511: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tài khoản này có 2 tài khoản cấp 2

TK 5111: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ thương mại

TK 5112: Doanh thu xây lắp



**2.2.2.1.4. Quy trình kế toán****Ghi chú**

- Ghi hàng ngày
- Ghi cuối kỳ
- ←--→ Quan hệ đối chiếu

**Sơ đồ 2.8: Quy trình kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****2.2.2.1.5. Khảo sát số liệu**

\_ Ngày 21/10/2012 bán 15.114 kg thép góc L150 x 150 x10 SS400 với đơn giá chưa thuế GTGT 10% là 18.336 đ/kg cho Công ty TNHH Xây dựng An Phát , đã thanh toán bằng tiền gửi ngân hàng.

Kế toán ghi nhận doanh thu

**Nợ TK 112: 304.843.334**

**Có TK 5111: 277.130.304**

**Có TK 3331: 27.713.030**

**Biểu số 2.21: Hóa đơn GTGT số 001069**

<b>HÓA ĐƠN</b>			Mẫu số: 01 GTKT – 3LL		
<b>GIÁ TRỊ GIA TĂNG</b>			NS/2012B		
Liên 3: Nội bộ			001069		
Ngày 21 tháng 10 năm 2012					
Đơn vị bán hàng: Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Nam Sơn					
Địa chỉ: Nam Sơn, An Dương, Hải Phòng					
Số tài khoản:					
Điện thoại: 031.3.970.829			MST:		
Họ tên người mua hàng: Công ty TNHH Xây dựng An Phát					
Tên đơn vị:					
Địa chỉ: An Dương, Hải Phòng					
Số tài khoản:					
Hình thức thanh toán: Tiền gửi ngân hàng			MST:		
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3= 1 x 2
1	Thép góc L150 x 150 x10 SS400	Kg	15.114	18.536	277.130.304
Cộng tiền hàng					277.130.304
Thuế GTGT 10%			Tiền thuế GTGT		27.713.030
Tổng cộng tiền thanh toán					304.843.334
Số tiền viết bằng chữ: <b>Ba trăm linh tư triệu tám trăm bốn ba nghìn ba trăm ba mươi bốn đồng.</b>					
Người bán hàng (Đã ký)		Người mua hàng (Đã ký)		Thủ trưởng đơn vị (Đã ký)	

(Nguồn: Phòng kế toán công ty TNHH XD &amp; TM Nam Sơn)

*\_ Ngày 12/11/2012 công ty bàn giao công trình nhà ở cho ông Đoàn Văn Hải (công trình được khởi công từ ngày 8/9/2012) với số tiền là 429.000.000 (cả VAT 10%). Giá vốn công trình là 350.000.000. Khách hàng đã thanh toán 50% giá trị công trình bằng tiền mặt*

Kê toán ghi nhận doanh thu

***Nợ TK 131: 214.500.000***

***Nợ TK 111: 214.500.000***

***Có TK 5112: 390.000.000***

***Có TK 3331: 39.000.000***

**Biểu số 2.22: Hóa đơn GTGT số 001256**

<b>HÓA ĐƠN</b>		Mẫu số: 01 GTKT – 3LL			
<b>GIÁ TRỊ GIA TĂNG</b>		NS/2012B			
Liên 3: Nội bộ		001256			
Ngày 12 tháng 11 năm 2012					
Đơn vị bán hàng: Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Nam Sơn					
Địa chỉ: Nam Sơn, An Dương, Hải Phòng					
Số tài khoản:					
Điện thoại: 031.3.970.829			MST:		
Họ tên người mua hàng: Công ty TNHH Xây dựng An Phát					
Tên đơn vị:					
Địa chỉ: An Dương, Hải Phòng					
Số tài khoản:					
Hình thức thanh toán: Tiền gửi ngân hàng			MST:		
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3= 1 x 2
1	Công trình nhà ở của ông Đoàn Văn Hải		1	390.000.000	390.000.000
Cộng tiền hàng					390.000.000
Thuế GTGT 10%			Tiền thuế GTGT		39.000.000
Tổng cộng tiền thanh toán					429.000.000
Số tiền viết bằng chữ: <b>Ba trăm chín mươi triệu đồng chẵn.</b>					
Người bán hàng (Đã ký)		Người mua hàng (Đã ký)		Thủ trưởng đơn vị (Đã ký)	

(Nguồn: Phòng kế toán công ty TNHH XD &amp; TM Nam Sơn)

**Biểu số 2.23: Phiếu thu số 1245****Đơn vị :** Công ty TNHH XD&TM Nam Sơn**Mẫu số :** 01-TT**Địa chỉ :** Nam Sơn-An Dương-HP*(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC**Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)***PHIẾU THU***Ngày 12 tháng 11 năm 2012**Số : 1245*

Nợ TK 111

Có TK 511

Có TK 3331

Họ và tên người nộp tiền : Đoàn Văn Hải

Địa chỉ : An Hưng, An Dương , Hải Phòng

Lý do cho : Thanh toán tiền công trình

Số tiền : 214.500.000 đồng (Viết bằng chữ) Hai trăm mười bốn triệu năm trăm nghìn đồng chẵn.

Kèm theo : 01 chứng từ gốc : Hóa đơn GTGT 001256

*Ngày 12 tháng 11 năm 2012***Giám đốc   Kế toán trưởng   Thủ quỹ   Người lập phiếu   Người nhận tiền***(Ký, họ tên)**(Ký, họ tên)**(Ký, họ tên)**(Ký, họ tên)**(Ký, họ tên)*

Đã nhận đủ số tiền (Viết bằng chữ) : Ba triệu đồng chẵn

+ Tỷ giá ngoại tệ (vàng, bạc, đá quý) :.....

+ Số tiền quy đổi :.....

*(Nguồn: Phòng kế toán công ty TNHH XD & TM Nam Sơn)*

Căn cứ vào Hóa đơn GTGT số 001069, kế toán lập Sổ chi tiết TK 5111

**Biểu số 2.25: Sổ chi tiết tài khoản 5111**

<b>Đơn vị :</b> Công ty TNHH XD&TM Nam Sơn		<b>Mẫu số :</b> S38 - DN			
<b>Địa chỉ :</b> Nam Sơn-An Dương-HP		<i>(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)</i>			
<b>SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN</b>					
Tài khoản 5111 – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ thương mại Năm 2012					
Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh	
SH	NT			Nợ	Có
		Số dư đầu kỳ			
		Số phát sinh trong kỳ			
		.....			
<b>HD 1069</b>	<b>21/10</b>	<b>Bán thép góc L cho công ty TNHH Xây Dựng An Phát</b>	<b>112</b>		<b>277.130.304</b>
		.....			
<b>PKT 22</b>	<b>31/12</b>	<b>Kết chuyển doanh thu thương mại</b>	<b>911</b>	<b>4.929.748.548</b>	
		<b>Cộng phát sinh</b>		<b>4.929.748.548</b>	<b>4.929.748.548</b>
		Số dư cuối kỳ		x	x
				<i>Ngày ... tháng ... năm 2012</i>	
<b>Người ghi sổ</b>		<b>Kế toán trưởng</b>		<b>Giám đốc</b>	
<i>(Ký, họ tên)</i>		<i>(Ký, họ tên)</i>		<i>(Ký, họ tên, đóng dấu)</i>	

*(Nguồn: Phòng kế toán công ty TNHH XD & TM Nam Sơn)*

*Căn cứ vào hóa đơn số 001256, kế toán lập Sổ chi tiết TK 5112*

**Biểu số 2.26: Sổ chi tiết TK 5112**

<b>Đơn vị :</b> Công ty TNHH XD&TM Nam Sơn		<b>Mẫu số :</b> S38 - DN			
<b>Địa chỉ :</b> Nam Sơn-An Dương-HP		<i>(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)</i>			
<b>SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN</b>					
Tài khoản 5112 – Doanh thu xây lắp					
Năm 2012					
Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh	
SH	NT			Nợ	Có
		Số dư đầu kỳ			
		Số phát sinh trong kỳ			
		.....			
<b>HD 1256</b>	<b>12/11</b>	<b>Quyết toán công trình nhà ở của ông Đoàn Văn Hải</b>	<b>112</b>		<b>195.000.000</b>
			<b>131</b>		<b>195.000.000</b>
		.....			
<b>PKT 22</b>	<b>31/12</b>	<b>Kết chuyển doanh thu xây lắp</b>	<b>911</b>	18.705.879.609	
		<b>Cộng phát sinh</b>		18.705.879.609	18.705.879.609
		<b>Số dư cuối kỳ</b>		x	x
				<i>Ngày ... tháng ... năm 2012</i>	
<b>Người ghi sổ</b>		<b>Kế toán trưởng</b>		<b>Giám đốc</b>	
<i>(Ký, họ tên)</i>		<i>(Ký, họ tên )</i>		<i>(Ký, họ tên, đóng dấu)</i>	

*(Nguồn: Phòng kế toán công ty TNHH XD & TM Nam Sơn)*

Căn cứ vào Sổ chi tiết TK 5111 và TK 5112, Kế toán lập Bảng tổng hợp chi tiết TK 511

**Biểu số 2.28: Bảng tổng hợp chi tiết TK 511**

<b>Đơn vị :</b> Công ty TNHH XD&TM Nam Sơn		<b>Mẫu số :</b> S38 - DN		
<b>Địa chỉ :</b> Nam Sơn-An Dương-HP		<i>(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)</i>		
<b>BẢNG TỔNG HỢP CHI TIẾT TK 511</b>				
Năm 2012				
<b>Số dư đầu kỳ: 0</b>				
STT	Số hiệu TK	Diễn giải	Số phát sinh	
			Nợ	Có
1	5111	Thương mại	4.929.748.548	4.929.748.548
2	5112	Xây lắp	18.705.879.609	18.705.879.609
		Tổng số phát sinh	23.635.646.157	23.635.646.157
<b>Số dư cuối kỳ: 0</b>				
<i>Ngày ... tháng ... năm 2012</i>				
<b>Người ghi sổ</b>		<b>Kế toán trưởng</b>		<b>Giám đốc</b>
<i>(Ký, họ tên)</i>		<i>(Ký, họ tên)</i>		<i>(Ký, họ tên, đóng dấu)</i>

*(Nguồn: Phòng kế toán công ty TNHH XD & TM Nam Sơn)*



Căn cứ vào Hóa đơn GTGT số 001069 và 001256, kế toán định khoản nghiệp vụ phát sinh vào Sổ Nhật ký chung

**Biểu số 2.27: Sổ Nhật ký chung**

<b>Đơn vị :</b> Công ty TNHH XD&TM Nam Sơn		<b>Mẫu số :</b> S03 - DN				
<b>Địa chỉ :</b> Nam Sơn-An Dương-HP		<i>(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)</i>				
<b>NHẬT KÝ CHUNG</b>						
<b>Năm 2012</b>						
<i>Đơn vị tính: đồng</i>						
Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi Sổ cái	SH TK	Số phát sinh	
SH	NT				Nợ	Có
		....				
<b>HD 1069</b>	<b>21/10</b>	<b>Bán thép góc L cho cty TNHH XD An Phát</b>	<b>x</b>	<b>112</b>	<b>304.843.334</b>	
				<b>5111</b>		<b>277.130.304</b>
				<b>3331</b>		<b>27.713.030</b>
		....				
<b>HD 1256</b>	<b>12/11</b>	<b>Quyết toán công trình nhà ở (ông Đ.V. Hải)</b>	<b>x</b>	<b>112</b>	<b>214.500.000</b>	
				<b>131</b>	<b>214.500.000</b>	
				<b>5112</b>		<b>390.000.000</b>
				<b>3331</b>		<b>39.000.000</b>
		....				
<b>PKT 22</b>	<b>31/12</b>	<b>K\c DT bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>x</b>	<b>511</b>	<b>23.635.646.157</b>	
				<b>911</b>		<b>23.635.646.157</b>
		....				
		<b>Cộng SPS</b>			<b>274.239.989.810</b>	<b>274.239.989.810</b>
				<i>Ngày...tháng...năm 2012</i>		
<b>Người ghi sổ</b> <i>(Ký, họ tên)</i>		<b>Kế toán trưởng</b> <i>(Ký, họ tên)</i>		<b>Giám đốc</b> <i>(Ký, họ tên, đóng dấu)</i>		

Từ Sổ Nhật ký chung, kế toán chuyển số liệu vào Sổ Cái TK 511

**Biểu số 2.29: Sổ Cái TK 511**

<b>Đơn vị :</b> Công ty TNHH XD&TM Nam Sơn		<b>Mẫu số :</b> S02b-DN			
<b>Địa chỉ :</b> Nam Sơn-An Dương-HP		<i>(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)</i>			
<b>SỔ CÁI</b>					
Năm 2012					
Tên tài khoản : <b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>					
Số hiệu : <b>511</b>					
Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
Ngày	Số CT			Nợ	Có
		Số dư đầu kỳ		x	x
		Số PS trong kỳ			
		....			
21/10	<b>HD 1069</b>	<b>Bán thép góc L</b>	<b>112</b>		<b>277.130.304</b>
		....			
12/11	<b>HD 1256</b>	<b>Quyết toán công trình nhà ở của ông Đ.V.Hải</b>	<b>112</b>		<b>195.000.000</b>
			<b>131</b>		<b>195.000.000</b>
		....			
31/12	<b>PKT 22</b>	<b>Kết chuyển doanh thu</b>	911	23.635.628.157	
		<b>Cộng phát sinh</b>		23.635.628.157	23.635.628.157
		Số dư cuối kỳ		x	x
<i>Ngày ... tháng ... năm 2012</i>					
<b>Người ghi sổ</b>		<b>Kế toán trưởng</b>		<b>Giám đốc</b>	
<i>(Ký, họ tên)</i>		<i>(Ký, họ tên)</i>		<i>(Ký, họ tên, đóng dấu)</i>	

*(Nguồn: Phòng kế toán công ty TNHH XD & TM Nam Sơn)*

### 2.2.2.2. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính của công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Nam Sơn chỉ bao gồm lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ trên cơ sở chứng từ thực tế.

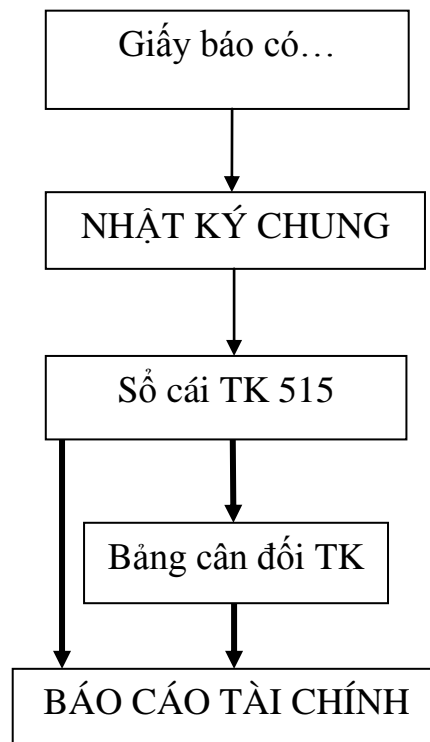
#### ❖ Chứng từ sử dụng

- Giấy báo có
- Bản sao kê của ngân hàng
- Phiếu thu và các chứng từ khác có liên quan

#### ❖ Tài khoản sử dụng

TK 515: Doanh thu hoạt động tài chính

#### ❖ Quy trình kế toán



#### Ghi chú

————→ Ghi hàng ngày

————→ Ghi cuối kỳ

### Sơ đồ 2.9: Quy trình kế toán doanh thu hoạt động tài chính

**❖ Khảo sát số liệu**

Ngày 12/12/2012 công ty nhận được phiếu báo có tiền lãi từ tiền gửi ngân hàng TMCP công thương Việt Nam, số tiền là 2.415.875 đồng

Căn cứ vào phiếu báo có kế toán định khoản

**Nợ TK 112: 2.415.875**

**Có TK 515: 2.415.875**

**Biểu số 2.30: Giấy báo Có**

Ngân hàng TMCP Công thương VN

**GIẤY BÁO CÓ**

Ngày 12 tháng 12 năm 2012

Kính gửi: Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Nam Sơn

Hôm nay, chúng tôi xin báo đã ghi Có tài khoản của quý khách với nội dung sau:

Số tài khoản ghi CÓ: 0037000021009

Số tiền bằng số: 2.415.875

Số tiền bằng chữ: Hai triệu bốn trăm mười lăm nghìn tám trăm bảy năm nghìn đồng

Nội dung: Lãi nhập gốc

Giao dịch viên

Kiểm soát

(Nguồn: Phòng kế toán công ty TNHH XD & TM Nam Sơn)

Căn cứ vào Giấy báo Có của ngân hàng TMCP Công Thương VN, kế toán tiến hành định khoản nghiệp vụ vào Sổ Nhật ký chung

**Biểu số 2.31: Sổ Nhật ký chung**

<b>Đơn vị :</b> Công ty TNHH XD&TM Nam Sơn		<b>Mẫu số :</b> S03a-DN				
<b>Địa chỉ :</b> Nam Sơn - An Dương - HP		<i>(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)</i>				
<b>SỔ NHẬT KÝ CHUNG</b>						
<b>Năm 2012</b>						
Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi Sổ Cái	Số hiệu TK	Số phát sinh	
Ngày tháng	Số CT				Nợ	Có
		...				
12/12	GBC	Nhập lãi tiền gửi ngân hàng	x	112	2.415.875	
				515		2.415.875
		...				
23/12	GBN	Trả lãi vay ngân hàng	x	635	3.124.256	
				112		3.142.256
		....				
31/12	PKT 23	K\c doanh thu hoạt động tài chính	x	515	6.406.930	
				911		6.406.930
		.....			....	....
		Cộng phát sinh			<b>274.239.989.810</b>	<b>274.239.989.810</b>
<i>Ngày ... tháng ... năm 2012</i>						
<b>Người ghi sổ</b>		<b>Kế toán trưởng</b>		<b>Giám đốc</b>		
<i>(Ký, họ tên)</i>		<i>(Ký, họ tên)</i>		<i>(Ký, họ tên, đóng dấu)</i>		

*(Nguồn: Phòng kế toán công ty TNHH XD & TM Nam Sơn)*

Từ sổ Nhật ký chung, kế toán chuyển số liệu vào Sổ Cái TK 515

**Biểu số 2.32: Sổ Cái TK 515**

<b>Đơn vị :</b> Công ty TNHH XD&TM Nam Sơn		<b>Mẫu số :</b> S02b-DN			
<b>Địa chỉ :</b> Nam Sơn-An Dương-HP		<i>(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)</i>			
<b>SỔ CÁI</b>					
Năm 2012					
<b>Tên tài khoản : Doanh thu hoạt động tài chính Số hiệu : 515</b>					
Chứng từ		Diễn giải	SHTK ĐƯ	Số tiền	
Ngày	SH			Nợ	Có
		<u>Số dư đầu kỳ</u>		x	x
		Số phát sinh trong kỳ			
		....			
<b>12/12</b>	<b>GBC</b>	<b>Nhập lãi vào gốc</b>	<b>112</b>		<b>2.415.875</b>
		...			
31/12	PKT 23	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	911	6.406.930	
		Cộng phát sinh		6.406.930	6.406.930
		<u>Số dư cuối kỳ</u>		x	x
				<i>Ngày ... tháng ... năm 2012</i>	
<b>Người ghi sổ</b>		<b>Kế toán trưởng</b>		<b>Giám đốc</b>	
<i>(Ký, họ tên)</i>		<i>(Ký, họ tên)</i>		<i>(Ký, họ tên, đóng dấu)</i>	

*(Nguồn: Phòng kế toán công ty TNHH XD & TM Nam Sơn)*

### 2.2.2.3. Kế toán thu nhập khác

Tại Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Nam Sơn thu nhập khác bao gồm thu nhập từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ, doanh thu bán phế liệu,...

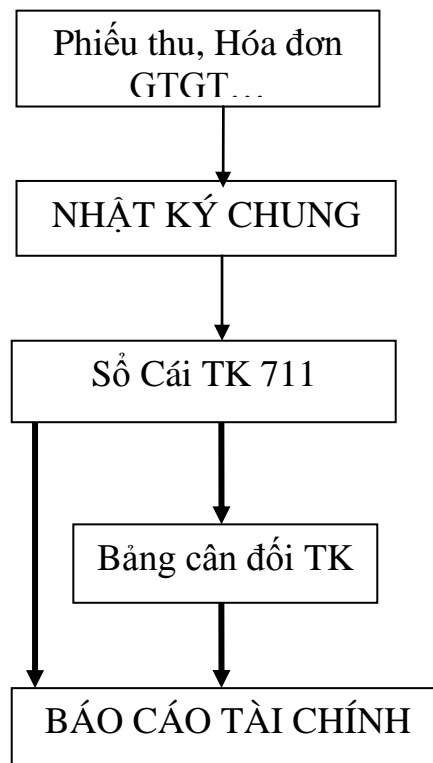
#### ❖ Chứng từ sử dụng

- Biên bản thanh lý, nhượng bán TSCĐ
- Phiếu thu
- Hóa đơn GTGT...

#### ❖ Tài khoản sử dụng

TK 711 – Thu nhập khác

#### ❖ Quy trình kế toán



#### Ghi chú

→ Ghi hàng ngày

→ Ghi cuối kỳ

#### Sơ đồ 2.10: Quy trình kế toán thu nhập khác

**❖ Khảo sát số liệu**

Ngày 8/12/2012, công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Nam Sơn tiến hành nhượng bán máy cắt sắt SIG 501 có nguyên giá là 70.000.000, đã trích khấu hao được 5 năm, giá trị còn lại của TSCĐ trên là 19.166.667. Công ty đã bán được chiếc máy trên với giá 11.000.000 (đã có VAT 10%) cho ông Lê Văn Long và đã thu bằng tiền mặt.

Kế toán định khoản

**Nợ TK 111:11.000.000**

**Có TK 711:10.000.000**

**Có TK 133:1.000.000**

Căn cứ vào hóa đơn GTGT số 001378, kế toán lập phiếu thu số 1245. Kế toán ghi chép nghiệp vụ trên vào sổ Nhật ký chung, từ sổ Nhật ký chung để chuyển số liệu vào Sổ Cái TK 711.



**Biểu số 2.33: Hóa đơn giá trị gia tăng số 001378**

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3= 1 x 2
1	Máy cắt sắt SIG 501	Cái	1	10.000.000	10.000.000
Cộng tiền hàng					10.000.000
Thuế GTGT 10%			Tiền thuế GTGT		1.000.000
Tổng cộng tiền thanh toán					11.000.000
Số tiền viết bằng chữ: Mười một triệu đồng chẵn					
Người bán hàng (Đã ký)		Người mua hàng (Đã ký)		Thủ trưởng đơn vị (Đã ký)	

(Nguồn: Phòng kế toán công ty TNHH XD &amp; TM Nam Sơn)

**Biểu số 2.34: Phiếu thu số 1245**

**Đơn vị :** Công ty TNHH XD&TM Nam Sơn      **Mẫu số :** 01-TT  
**Địa chỉ :** Nam Sơn-An Dương-HP      (Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC  
 Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

**PHIẾU THU**

Ngày 08 tháng 12 năm 2012

Số : 1245

Nợ TK111 : 11.000.000

Có TK711 : 10.000.000

Có TK3331 : 1.000.000

Họ và tên người nộp tiền : Lê Văn Long

Địa chỉ : An Hưng, An Dương , Hải Phòng

Lý do cho : Thanh toán tiền mua máy cắt sắt SIG 501

Số tiền : 11.000.000 đồng (Viết bằng chữ) Mười một triệu đồng chẵn.

Kèm theo : 01 chứng từ gốc : Hóa đơn GTGT 001256

Ngày 8 tháng 12 năm 2012

**Giám đốc    Kế toán trưởng    Thủ quỹ    Người lập phiếu    Người nhận tiền**  
 (Ký, họ tên)    (Ký, họ tên)    (Ký, họ tên)    (Ký, họ tên)    (Ký, họ tên)

Đã nhận đủ số tiền (Viết bằng chữ) : Ba triệu đồng chẵn

+ Tỷ giá ngoại tệ (vàng, bạc, đá quý) : .....

+ Số tiền quy đổi : .....

(Nguồn: Phòng kế toán công ty TNHH XD &amp; TM Nam Sơn)

Căn cứ vào Hóa đơn GTGT số 001256 kê toán định khoản nghiệp vụ vào Sổ Nhật ký chung

**Biểu số 2.35: Sổ Nhật ký chung**

<b>Đơn vị :</b> Công ty TNHH XD&TM Nam Sơn		<b>Mẫu số :</b> S03a-DN				
<b>Địa chỉ :</b> Nam Sơn - An Dương - HP (Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)						
<b>SỔ NHẬT KÝ CHUNG</b> <i>Năm 2012</i>						
Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi Sổ Cái	Số hiệu TK	Số phát sinh	
NT	Số CT				Nợ	Có
		...				
8/12	BBTL TSCĐ	Xóa sổ TSCĐ	x	214	50.833.333	
				811	19.166.667	
				211		70.000.000
8/12	HD 1378	Thanh lý máy cắt sắt SIG 501	x	111	<b>11.000.000</b>	
				711		<b>10.000.000</b>
				3331		<b>1.000.000</b>
		....				
31/12	PKT 23	K\c thu nhập khác	x	711	1.227.272.727	
				911		1.227.272.727
		....				
		Cộng PS			274.239.989.810	274.239.989.810
				<i>Ngày ... tháng ... năm 2012</i>		
<b>Người ghi sổ</b> <i>(Ký, họ tên)</i>		<b>Kế toán trưởng</b> <i>(Ký, họ tên)</i>		<b>Giám đốc</b> <i>(Ký, họ tên, đóng dấu)</i>		

Từ Sổ Nhật ký chung, kế toán chuyển số liệu vào Sổ Cái TK 711

**Biểu số 2.35: Sổ Cái TK 711**

<b>Đơn vị :</b> Công ty TNHH XD&TM Nam Sơn		<b>Mẫu số :</b> S02b-DN			
<b>Địa chỉ :</b> Nam Sơn-An Dương-HP		<i>(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)</i>			
<b>SỔ CÁI</b>					
Năm 2012					
Tên tài khoản : <b>thu nhập khác</b>					
Số hiệu : <b>711</b>					
Chứng từ		Diễn giải	SHTK ĐƯ	Số tiền	
Ngày	SH			Nợ	Có
		<u>Số dư đầu năm</u>		x	x
		Số phát sinh trong kỳ			
		....			
<b>8/12</b>	<b>HD 1378</b>	<b>Thanh lý máy cắt sắt SIG 501</b>	<b>111</b>		10.000.000
31/12	PKT 23	Kết chuyển thu nhập khác	911	1.227.272.727	
		Cộng phát sinh		1.227.272.727	1.227.272.727
		<u>Số dư cuối kỳ</u>		x	x
<i>Ngày ... tháng ... năm 2012</i>					
<b>Người ghi sổ</b>		<b>Kế toán trưởng</b>		<b>Giám đốc</b>	
<i>(Ký, họ tên)</i>		<i>(Ký, họ tên)</i>		<i>(Ký, họ tên, đóng dấu)</i>	

*(Nguồn: Phòng kế toán công ty TNHH XD & TM Nam Sơn)*

### **2.2.3. Kế toán xác định kết quả kinh doanh**

#### **2.2.3.1. Nội dung kế toán xác định kết quả kinh doanh tại công ty**

Cuối kỳ, kế toán tiến hành kết chuyển Doanh thu thuần, doanh thu hoạt động tài chính, thu nhập khác vào bên Nợ của TK 911. Đồng thời kết chuyển Giá vốn hàng bán, Chi phí quản lý kinh doanh, Chi phí hoạt động tài chính và Chi phí khác vào bên Có của TK 911.

+Nếu tổng phát sinh bên Nợ TK 911 lớn hơn tổng phát sinh bên Có TK 911 thì doanh nghiệp kinh doanh bị lỗ. Kế toán kết chuyển phần chênh lệch sang bên Nợ TK 421

**Nợ TK 421**

**Có TK 911**

+Nếu tổng phát sinh bên Nợ TK 911 nhỏ hơn tổng phát sinh bên Có TK 911 thì doanh nghiệp kinh doanh có lãi. Kế toán tính thuế TNDN phải nộp cho nhà nước như sau:

**Thu nhập chịu thuế = SPS bên Có TK 911 – SPS bên Nợ TK 911**

**Thuế TNDN = Thu nhập chịu thuế x Thuế suất thuế TNDN**

Khi xác định được số thuế thu nhập phải nộp, kế toán căn cứ vào số thuế TNDN đã trích nộp đầu các quý để tính số thuế thu nhập còn lại phải nộp hay được ghi giảm.

Sau khi tính được số thuế thu nhập phải nộp, kế toán thực hiện kết chuyển chi phí thuế TNDN sang bên Nợ TK 911. Từ đó xác định số lợi nhuận sau thuế của doanh nghiệp để kết chuyển sang bên Có TK 421 – Lợi nhuận sau thuế.

**Nợ TK 911**

**Có TK 421**

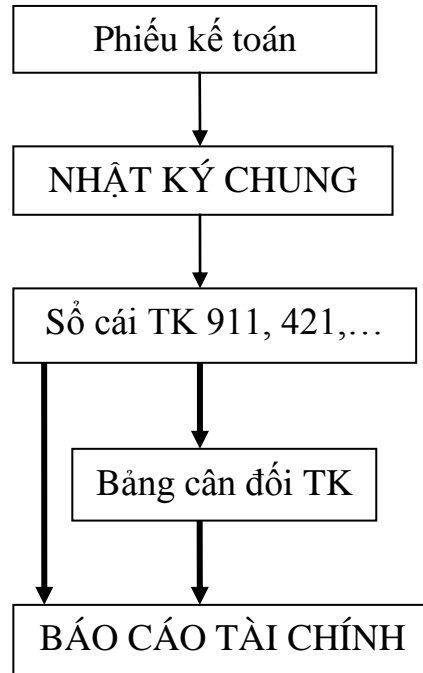
#### **2.2.3.2. Chứng từ sử dụng**

Phiếu kế toán

### 2.2.3.3. Tài khoản sử dụng

- TK 911: Xác định kết quả kinh doanh
- TK 821: Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành
- TK 421: Lợi nhuận chưa phân phối

### 2.2.3.4. Quy trình kế toán



#### Ghi chú

————→ Ghi hàng ngày

————→ Ghi cuối kỳ

#### Sơ đồ 2.11: Quy trình kế toán xác định kết quả kinh doanh

Cuối kỳ, kế toán lập các Phiếu kế toán kết chuyển chi phí, doanh thu sang TK 911 để xác định kết quả kinh doanh.

Căn cứ vào Phiếu kế toán, các nghiệp vụ được ghi chép vào sổ Nhật ký chung. Từ sổ Nhật ký chung, kế toán ghi vào Sổ Cái các tài khoản có liên quan. Số liệu trên Sổ Cái được phản ánh vào Bảng cân đối số phát sinh, sau đó tiến hành lập Báo cáo tài chính.

**2.2.3.5. Khảo sát số liệu**

Ngày 31/12/2012, Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Nam Sơn tiến hành kết chuyển doanh thu, chi phí sang TK 911 để xác định kết quả kinh doanh năm 2012.

<b>a) Nợ TK 511:</b>	<b>23.635.628.157</b>
<b>Nợ TK 515:</b>	<b>6.406.930</b>
<b>Nợ TK 711:</b>	<b>1.227.272.727</b>
<b>Có TK 911:</b>	<b>24.869.307.814</b>
<b>b) Nợ TK 911:</b>	<b>24.662.482.316</b>
<b>Có TK 632:</b>	<b>20.696.374.870</b>
<b>Có TK 635:</b>	<b>2.362.936.653</b>
<b>Có TK 642:</b>	<b>1.128.815.621</b>
<b>Có TK 811:</b>	<b>474.355.172</b>

Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế = 24.869.307.814 – 24.662.482.316 = 206.825.498

Thuế thu nhập doanh nghiệp = 206.825.498 x 25 % = 51.706.376

Do công ty là doanh nghiệp vừa và nhỏ nên được giảm 30% thuế TNDN

→ Thuế TNDN phải nộp = 51.706.375 x 70% = 36.194.432

Tổng LNST = 206.825.495 – 36.194.462 = 170.631.036

<b>c) Nợ TK 911:</b>	<b>36.194.462</b>
<b>Có TK 821:</b>	<b>36.194.462</b>
<b>d) Nợ TK 911:</b>	<b>170.631.036</b>
<b>Có TK 421:</b>	<b>170.631.036</b>

**Biểu số 2.36: Phiếu kê toán kết chuyển doanh thu****Đơn vị :** Công ty TNHH XD&TM Nam Sơn**Địa chỉ :** Nam Sơn - An Dương - HP**PHIẾU KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Số 22

STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
1	Kết chuyển doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	511	911	23.635.628.157
2	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	515	911	6.406.930
3	Kết chuyển thu nhập khác	711	911	1.227.272.727
	Cộng			24.869.307.814

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người lập biểu

*(Nguồn: Phòng kế toán công ty TNHH XD & TM Nam Sơn)*



**Biểu số 2.37: Phiếu kê toán kết chuyển chi phí**

**Đơn vị :** Công ty TNHH XD&TM Nam Sơn  
**Địa chỉ :** Nam Sơn - An Dương - HP

**PHIẾU KẾ TOÁN**  
Ngày 31 tháng 12 năm 2012 Số 23

STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
1	Kết chuyển giá vốn hàng bán	911	632	20.696.374.870
2	Kết chuyển CP tài chính	911	635	2.362.936.653
3	Kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh	911	642	1.128.815.621
4	Kết chuyển chi phí khác	911	811	474.355.172
	Cộng			24.661.482.326

Ngày 31 tháng 12 năm 2012  
Người lập biểu

**Biểu số 2.38: Phiếu kê toán xác định thuế TNDN**

**Đơn vị :** Công ty TNHH XD&TM Nam Sơn  
**Địa chỉ :** Nam Sơn - An Dương - HP

**PHIẾU KẾ TOÁN**  
Ngày 31 tháng 12 năm 2012 Số 24

STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
1	Xác định thuế TNDN	821	3334	36.194.462
	Cộng			36.194.462

Ngày 31 tháng 12 năm 2012  
Người lập biểu

(Nguồn: Phòng kế toán công ty TNHH XD & TM Nam Sơn)

**Biểu số 2.39: Phiếu kế toán kết chuyển chi phí thuế TNDN****Đơn vị :** Công ty TNHH XD&TM Nam Sơn**Địa chỉ :** Nam Sơn - An Dương - HP**PHIẾU KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Số 25

STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
1	Kết chuyển chi phí thuế TNDN	911	821	36.194.462
	Cộng			36.194.462

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người lập biểu

**Biểu số 2.40: Phiếu kế toán kết chuyển lãi****Đơn vị :** Công ty TNHH XD&TM Nam Sơn**Địa chỉ :** Nam Sơn - An Dương - HP**PHIẾU KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Số 26

STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
1	Kết chuyển lãi	911	421	170.631.036
	Cộng			170.631.036

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người lập biểu

*(Nguồn: Phòng kế toán công ty TNHH XD & TM Nam Sơn)*

Từ các phiếu kê toán, kê toán định khoản vào Sổ Nhật ký chung

**Biểu số 2.41: Sổ Nhật ký chung**

<b>NHẬT KÝ CHUNG</b>						
<b>Năm 2012 (Trích)</b>						
<i>Đơn vị tính: đồng</i>						
Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi Sổ Cái	SH TK	Số phát sinh	
SH	NT				Nợ	Có
		....				
PKT 22	31/12	Kết chuyển doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	x	511	23.635.528.157	
				911		23.635.528.157
PKT 22	31/12	Kết chuyển DT hoạt động tài chính	x x	515	6.406.930	
				911		6.406.930
PKT 22	31/12	Kết chuyển thu nhập khác	x	711	1.227.272.727	
				911		1.227.272.727
PKT 23	31/12	Kết chuyển giá vốn hàng bán	x	911	20.696.374.870	
				632		20.696.374.870
PKT 23	31/12	K\c CP hoạt động tài chính	x	911	2.362.936.653	
				635		2.362.936.653
PKT 23	31/12	Kết chuyển chi phí QLKD	x	911	1.128.815.621	
				642		1.128.815.621
PKT 23	31/12	Kết chuyển chi phí khác	x	911	474.355.172	
				811		474.355.172
PKT 24	31/12	Xác định chi phí thuế TNDN	x	821	36.194.462	
				3334		36.194.462
PKT 25	31/12	Kết chuyển thuế TNDN	x	911	36.194.462	
				821		36.194.462
PKT 26	31/12	Kết chuyển lợi nhuận sau thuế	x	911	170.631.036	
				421		170.631.036
		<b>Cộng số phát</b>			<b>274.239.989.810</b>	<b>274.239.989.81</b>

(Nguồn: Phòng kế toán công ty TNHH XD & TM Nam Sơn)

**Biểu số 2.42: Sổ Cái TK 911****Đơn vị :** Công ty TNHH XD&TM Nam Sơn**Mẫu số :** S02b-DN**Địa chỉ :** Nam Sơn-An Dương-HP*(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC**Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)***SỔ CÁI**

Năm 2012

Tên tài khoản : **Xác định kết quả kinh doanh**Số hiệu : **911**

Chứng từ		Diễn giải	SHTK ĐƯ	Số tiền	
Ngày	SH			Nợ	Có
		Số dư đầu năm		x	x
		Số PS trong kỳ			
31/12	PKT 22	K\c doanh thu bán hàng	511		23.635.628.157
31/12	PKT 22	K\c DT hoạt động tài chính	515		6.406.930
31/12	PKT 22	Kết chuyển thu nhập khác	711		1.227.272.727
31/12	PKT 23	Kết chuyển giá vốn hàng bán	632	20.696.374.870	
31/12	PKT 23	K\c chi phí hoạt động tài chính	635	2.362.936.653	
31/12	PKT 23	Kết chuyển CP QLKD	642	1.128.815.681	
31/12	PKT 23	Kết chuyển chi phí khác	811	474.355.172	
31/12	PKT 25	Kết chuyển CP thuế TNDN	821	36.194.462	
31/12	PKT 26	Xác định lợi nhuận sau thuế	421	170.631.036	
		Cộng phát sinh		24.869.307.814	24.869.307.814
		Số dư cuối kỳ		x	x

**Biểu số 2.43: Sổ Cái TK 821****Đơn vị :** Công ty TNHH XD&TM Nam Sơn**Mẫu số :** S02b-DN**Địa chỉ :** Nam Sơn-An Dương-HP*(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC**Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)***SỔ CÁI**

Năm 2012

Tên tài khoản : **Chi phí thuế TNDN**Số hiệu : **821**

Chứng từ		Diễn giải	SHTK ĐƯ	Số tiền	
Ngày	Số CT			Nợ	Có
		Số dư đầu kỳ		x	x
		Số phát sinh trong kỳ			
31/12	PKT 24	Xác định thuế TNDN	3334	36.194.462	
31/12	PKT 25	Kết chuyển thuế TNDN	911		36.194.462
		Cộng phát sinh		36.194.461	36.194.461
		Số dư cuối kỳ		x	x

Ngày ... tháng ... năm 2012

**Người ghi sổ****Kế toán trưởng****Giám đốc***(Ký, họ tên)**(Ký, họ tên)**(Ký, họ tên, đóng dấu)**(Nguồn: Phòng kế toán công ty TNHH XD & TM Nam Sơn)*

**Biểu số 2.44: Sổ Cái TK 421**

<b>Đơn vị :</b> Công ty TNHH XD&TM Nam Sơn		<b>Mẫu số :</b> S02b-DN			
<b>Địa chỉ :</b> Nam Sơn-An Dương-HP		<i>(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)</i>			
<b>SỔ CÁI</b>					
Năm 2012					
<b>Tên tài khoản : Lợi nhuận chưa phân phối</b>					
<b>Số hiệu : 421</b>					
Chứng từ		Diễn giải	SHTK ĐƯ	Số tiền	
Ngày	Số CT			Nợ	Có
		Số dư đầu kỳ			<u>47.332.022</u>
		Số phát sinh trong kỳ			
		....			
31/12	PKT 26	Kết chuyển lãi	911		170.631.036
		Cộng phát sinh		7.043.571	177.674.607
		Số dư cuối kỳ			<u>217.963.058</u>
				<i>Ngày ... tháng ... năm 2012</i>	
<b>Người ghi sổ</b>		<b>Kế toán trưởng</b>		<b>Giám đốc</b>	
<i>(Ký, họ tên)</i>		<i>(Ký, họ tên)</i>		<i>(Ký, họ tên, đóng dấu)</i>	

*(Nguồn: Phòng kế toán công ty TNHH XD & TM Nam Sơn)*

## **CHƯƠNG 3: MỘT SỐ BIỆN PHÁP HOÀN THIỆN TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN CHI PHÍ, DOANH THU VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI NAM SƠN**

### **3.1. Đánh giá chung về công tác kế toán chi phí, doanh thu và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Xây dựng & Thương mại Nam Sơn**

#### **3.1.1. Kết quả**

Qua thời gian thực tập tại Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Nam Sơn, em đã hiểu biết thêm về thực tế tổ chức công tác kế toán trong doanh nghiệp và có cơ hội đối chiếu thực tế với lí luận. Trong quá trình thực tập tại công ty, em nhận thấy công tác kế toán chi phí, doanh thu và xác định kết quả kinh doanh nói riêng đã đạt được những kết quả sau:

#### ***❖ Về tổ chức bộ máy kế toán***

Công ty tổ chức bộ máy kế toán theo mô hình tập trung, phù hợp với tình hình thực tế của công ty vừa và nhỏ, thuận tiện cho việc kiểm tra, giám sát, đảm bảo được sự lãnh đạo thống nhất. Việc tổ chức công tác kế toán nói chung và kế toán chi phí, doanh thu và xác định kết quả kinh doanh nói riêng diễn ra theo một trình tự có tính thống nhất cao, việc tập hợp số liệu cũng diễn ra chính xác. Qua đó, ban lãnh đạo cũng nhanh chóng, dễ dàng nắm bắt được tình hình hoạt động của toàn công ty, trên cơ sở đó có thể quản lý và đề ra các chiến lược kinh doanh phù hợp trong các kỳ tiếp theo. Mặt khác, các cơ quan nhà nước cũng có thể nắm bắt được các thông tin về công ty để thuận tiện cho việc quản lý, giám sát.

Đội ngũ kế toán có trình độ cao, mỗi nhân viên được phân công nhiệm vụ và quyền hạn nhất định, tránh chồng chéo nhiệm vụ nên độ chính xác cao, giảm được nhiều sai sót và bảo vệ được thông tin nội bộ quan trọng.

**❖ Về hình thức kế toán**

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung. Hình thức này khá đơn giản, dễ thực hiện, hệ thống sổ sách gọn nhẹ, thích hợp với mọi đơn vị hạch toán.

**❖ Về hệ thống sổ, chứng từ kế toán**

Công ty sử dụng đúng mẫu báo cáo kế toán do nhà nước quy định (Ban hành theo quyết định số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính)

**❖ Về công tác kế toán chi phí, doanh thu và xác định kết quả kinh doanh**

– Về công tác kế toán chi phí: Mọi chi phí phát sinh trong công ty được quản lý một cách chặt chẽ, đảm bảo tính hợp lý và cần thiết.

– Về công tác kế toán doanh thu: Việc hạch toán doanh thu cơ bản là thực hiện đúng nguyên tắc, chế độ hiện hành. Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến bán hàng, xây dựng công trình đều được phản ánh kịp thời, chính xác. Từ đó giúp cho kết quả kinh doanh được xác định một cách hợp lý, cung cấp thông tin đầy đủ cho nhà quản trị công ty.

– Về công tác kế toán xác định kết quả kinh doanh: công tác kế toán xác định kết quả kinh doanh tại công ty đã phần nào đáp ứng được yêu cầu của nhà quản lý về việc cung cấp thông tin một cách kịp thời và chính xác tình hình kinh doanh tại công ty.

**3.1.2. Hạn chế**

Ngoài những kết quả đạt được ở trên, công tác kế toán tại công ty vẫn còn tồn tại một số hạn chế.

**❖ Về việc luân chuyển chứng từ**

Chứng từ kế toán rất quan trọng đối với công tác quản lý nói chung và công tác kế toán chi phí, doanh thu, xác định kết quả kinh doanh nói riêng. Tuy nhiên, việc luân chuyển chứng từ tại công ty còn chậm, việc lập biểu xuất kho tại công ty chưa kịp thời, nhanh gọn. Hơn nữa, việc tập hợp, luân chuyển chứng từ do không có quy định cụ thể về thời gian nộp chứng từ của các bộ



phận, có khi thủ kho dồn đến cuối tháng mới chuyển cho phòng kế toán nên tình trạng bị chậm trễ gây lên sự quá tải trong công việc, dễ xảy ra nhầm lẫn do chứng từ về cùng lúc.

#### **❖ Về tổ chức hệ thống sổ kế toán**

Công ty kinh doanh hai lĩnh vực chính là xây dựng và bán hàng. Khối lượng công việc phát sinh khá nhiều nhưng lại phức tạp. Tuy nhiên khi hạch toán doanh thu, công ty chỉ lập sổ Nhật ký chung và Sổ cái chứ không mở sổ theo dõi chi tiết cho các tài khoản như giá vốn hàng bán, chi phí quản lý doanh nghiệp... Điều này gây khó khăn cho việc theo dõi, quản lý chi phí, kiểm tra và đối chiếu sổ sách kế toán. Đồng thời không theo dõi được giá vốn từng mặt hàng, công trình cụ thể, công ty sẽ khó xác định lợi nhuận gộp của từng loại.

#### **❖ Về việc áp dụng các chính sách ưu đãi**

Hiện nay, công ty chưa áp dụng các chính sách ưu đãi cho khách hàng. Việc không áp dụng chính sách ưu đãi trong chiến lược kinh doanh của doanh nghiệp sẽ phần nào làm giảm số lượng khách hàng đến với công ty, giảm doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

#### **❖ Về việc sử dụng phần mềm kế toán**

Hiện nay công tác kế toán tại công ty thực hiện trên excel cũng đã giảm thiểu được khối lượng công việc cho kế toán. Tuy nhiên việc chưa sử dụng phần mềm kế toán trong hạch toán kế toán gây không ít khó khăn cho nhà quản trị và nhân viên kế toán.

Không sử dụng phần mềm kế toán khiến cho công tác tính toán, hạch toán vào các sổ sách liên quan, tập hợp thông tin gặp khó khăn và dễ bị nhầm lẫn. việc kiểm tra, rà soát các sai sót, đặc biệt là lập các báo cáo tài chính rất vất vả.

Đối với các nhà quản trị, việc không áp dụng phần mềm kế toán sẽ phải phân chia công việc, mỗi nhân viên kế toán phụ trách và chịu trách nhiệm về một phần hành kế toán, dẫn đến phải sử dụng nhiều nhân sự. Mặt

khác, việc nắm bắt thông tin tài chính cũng gặp khó khăn, không kịp thời vì muốn xem báo cáo ở một thời điểm bất kỳ thì phải chờ kế toán cập nhật và tổng hợp các thông tin.

### **3.2. Một số biện pháp hoàn thiện tổ chức công tác kế toán chi phí, doanh thu và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Nam Sơn**

#### **3.2.1. Sự cần thiết phải hoàn thiện tổ chức công tác kế toán chi phí, doanh thu và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Nam Sơn**

Trong cơ chế thị trường biến động như hiện nay cùng với sự cạnh tranh gay gắt giữa các doanh nghiệp thì sự thành bại của một doanh nghiệp là điều tất yếu. Doanh nghiệp muốn duy trì tốt hoạt động thì phải xác định phương hướng cũng như mục tiêu, từ đó có bước phát triển mới. Muốn vậy trước hết công ty phải hoàn thiện, đổi mới không ngừng công tác kế toán sao cho phù hợp với yêu cầu quản lý trong nền kinh tế thị trường như hiện nay. Vì kế toán trong công cuộc đổi mới không chỉ là công cụ quản lý mà trở thành bộ quản lý kinh tế tài chính của doanh nghiệp. Thông qua việc lập chứng từ kiểm tra, tính toán, ghi chép, tổng hợp các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng các phương pháp khoa học để có thể biết được những thông tin một cách chính xác, kịp thời, đầy đủ về sự vận động của tài sản và nguồn hình thành tài sản, góp phần bảo vệ tài sản và sử dụng hợp lý tài sản của công ty mình. Hơn nữa Báo cáo tài chính còn cung cấp thông tin cho đối tượng quan tâm về tình hình tài chính của công ty như: chủ đầu tư, cơ quan thuế, ngân hàng... để có được sự đầu tư đúng đắn trong tương lai. Vì vậy điều quan trọng là các thông tin tài chính đưa ra trong Báo cáo kế toán tài chính phải có độ tin cậy cao và rõ ràng.

### **3.2.2. Một số biện pháp hoàn thiện tổ chức công tác kế toán chi phí, doanh thu và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Xây dựng & Thương mại Nam Sơn**

Dựa trên những hạn chế đã nêu ra và các kiến thức đã học em xin đưa ra một số biện pháp hoàn thiện tổ chức công tác kế toán chi phí, doanh thu và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Xây dựng & Thương mại Nam Sơn như sau:

#### **3.2.2.1. Về việc luân chuyển chứng từ**

Công ty cần có biện pháp quy định cụ thể về thời gian chuyển chứng từ trong tháng cho phòng kế toán để tập hợp chứng từ được thực hiện một cách đầy đủ, kịp thời. Chẳng hạn có thể quy định đến ngày nhất định kho và các phòng ban phải tập hợp chứng từ và gửi toàn bộ chứng từ phát sinh trong tháng về phòng kế toán, để kế toán ghi nhận kịp thời, giảm bớt khối lượng công việc vào cuối mỗi tháng.

#### **3.2.2.2. Về việc áp dụng các chính sách ưu đãi**

Hiện nay trên địa bàn thành phố có rất nhiều công ty kinh doanh cùng lĩnh vực xây dựng và thương mại. Do đó việc các doanh nghiệp cạnh tranh để thu hút khách hàng là điều tất yếu. Việc công ty không áp dụng các chính sách ưu đãi trong bán hàng sẽ phần nào làm giảm lượng khách hàng đến với công ty, làm giảm doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

Vì vậy, để có thể thu hút được khách hàng mới, mở rộng thị trường tiêu thụ mà vẫn giữ được khách hàng cũ nhằm tăng doanh thu, lợi nhuận, công ty nên xây dựng các chính sách ưu đãi phù hợp với tình hình hiện tại của công ty.

#### **❖ Chiết khấu thương mại**

Để hạch toán chiết khấu thương mại, kế toán sử dụng TK 521. Tài khoản này dùng để phản ánh khoản chiết khấu thương mại mà doanh nghiệp đã giảm trừ, hoặc thanh toán cho người mua hàng, do họ đã mua hàng, dịch

vụ với khối lượng lớn theo thỏa thuận về chiết khấu thương mại đã ghi trên hợp đồng kinh tế mua bán hoặc cam kết mua, bán hàng.

Công ty có thể áp dụng chiết khấu thương mại trong một số trường hợp sau:

Đối với khách hàng thường xuyên ký kết hợp đồng có giá trị lớn với công ty, công ty có thể giảm giá trị hợp đồng theo tỷ lệ phần trăm nhất định trên tổng giá trị hợp đồng (công ty có thể tự xây dựng mức chiết khấu dựa trên số lượng tiêu thụ, giá thành sản xuất, giá bán thực tế của công ty, hoặc giá bán bình quân của sản phẩm trên thị trường, hay tham khảo của các doanh nghiệp cùng ngành... để đưa ra mức chiết khấu phù hợp).

Đối với khách hàng lần đầu có mối quan hệ mua bán với công ty nhưng mua hàng với số lượng lớn, công ty có thể áp dụng tỉ lệ chiết khấu cao hơn nhằm khuyến khích khách hàng có mối quan hệ thường xuyên hơn, tạo lợi thế cạnh tranh trên thị trường.

Trường hợp khách hàng mua nhiều lần mới đạt được lượng hàng đạt mức chiết khấu thì khoản chiết khấu thương mại này được ghi giảm trừ trực tiếp vào giá bán trên hóa đơn lần cuối cùng. Khoản chiết khấu này không được hạch toán vào TK 521, doanh thu bán hàng phản ánh theo giá đã giảm

Khi thực hiện chiết khấu thương mại cho khách hàng:

***Nợ TK 5211***

***Nợ TK 3331***

***Có TK 131, 111, 112...***

Cuối kỳ, kết chuyển chiết khấu thương mại phát sinh trong kỳ sang tài khoản 511

***Nợ TK 511***

***Có TK 5211***

**❖ Chiết khấu thanh toán**

Chiết khấu thanh toán là số tiền giảm trừ cho người mua, do người mua thanh toán tiền hàng trước thời hạn quy định trong hợp đồng hoặc trong cam kết.

Để có thể thu hồi vốn nhanh phục vụ cho hoạt động kinh doanh, công ty cần xây dựng chính sách chiết khấu thanh toán phù hợp với tình hình công ty mình.

Sau khi xác định mức chiết khấu hợp lý, số tiền chiết khấu này được hạch toán vào TK 635 – “Chi phí hoạt động tài chính”

**Nợ TK 635****Có TK 111, 112, 131**

Cuối kỳ kết chuyển sang TK 911 – “Xác định kết quả kinh doanh”

**Nợ TK 911****Có TK 635****3.2.2.3. Về việc ứng dụng kỹ thuật vào công tác kế toán**

Công ty cần đẩy mạnh hơn nữa việc áp dụng công nghệ thông tin. Cụ thể là áp dụng các phần mềm kế toán máy vào trong công tác kế toán nhằm giảm chi phí, không tốn nhiều thời gian mà đạt hiệu quả cao, hoàn thành các báo cáo đúng thời hạn quy định, không sai sót gây thiệt hại cho công ty. Song song với đó là việc đào tạo nhân viên sử dụng thành thạo vi tính văn phòng và thích ứng với phần mềm kế toán, từ đó giúp ban lãnh đạo có thông tin một cách chính xác để ra quyết định quản trị đúng và phù hợp với tình hình nền kinh tế hiện tại.

Hiện nay có rất nhiều phần mềm kế toán như phần mềm kế toán MISA, Fast Accounting 2006.f, ACMAN, SAS INNOVA... đây là các phần mềm rất hay và phổ biến trên thị trường.

**❖ Phần mềm kế toán MISA**

Phần mềm kế toán MISA SME.NET 2012 gồm 13 phân hệ, được thiết kế dành cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ, với mục tiêu giúp doanh nghiệp

không cần đầu tư nhiều chi phí, không cần hiểu biết nhiều về tin học và kế toán mà vẫn có thể sở hữu và làm chủ được hệ thống phần mềm kế toán, quản lý mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh của mình.



### Ưu điểm:

–Giao diện thân thiện, dễ sử dụng, cho phép cập nhật dữ liệu linh hoạt. Bám sát chế độ kế toán, các mẫu biểu chứng từ, sổ sách kế toán luôn tuân thủ chế độ kế toán. Hệ thống báo cáo đa dạng đáp ứng nhiều yêu cầu quản lý của đơn vị.

–Đặc biệt, phần mềm cho phép tạo nhiều CSDL, nghĩa là mỗi đơn vị được thao tác trên 1 CSDL độc lập.

–Điểm đặc biệt nữa ở MISA mà chưa có phần mềm nào có được đó là thao tác Lưu và Ghi sổ dữ liệu.

–Tính chính xác: số liệu tính toán trong Misa rất chính xác, ít xảy ra các sai sót bất thường.

–Tính bảo mật: Vì Misa chạy trên công nghệ SQL nên khả năng bảo mật rất cao.

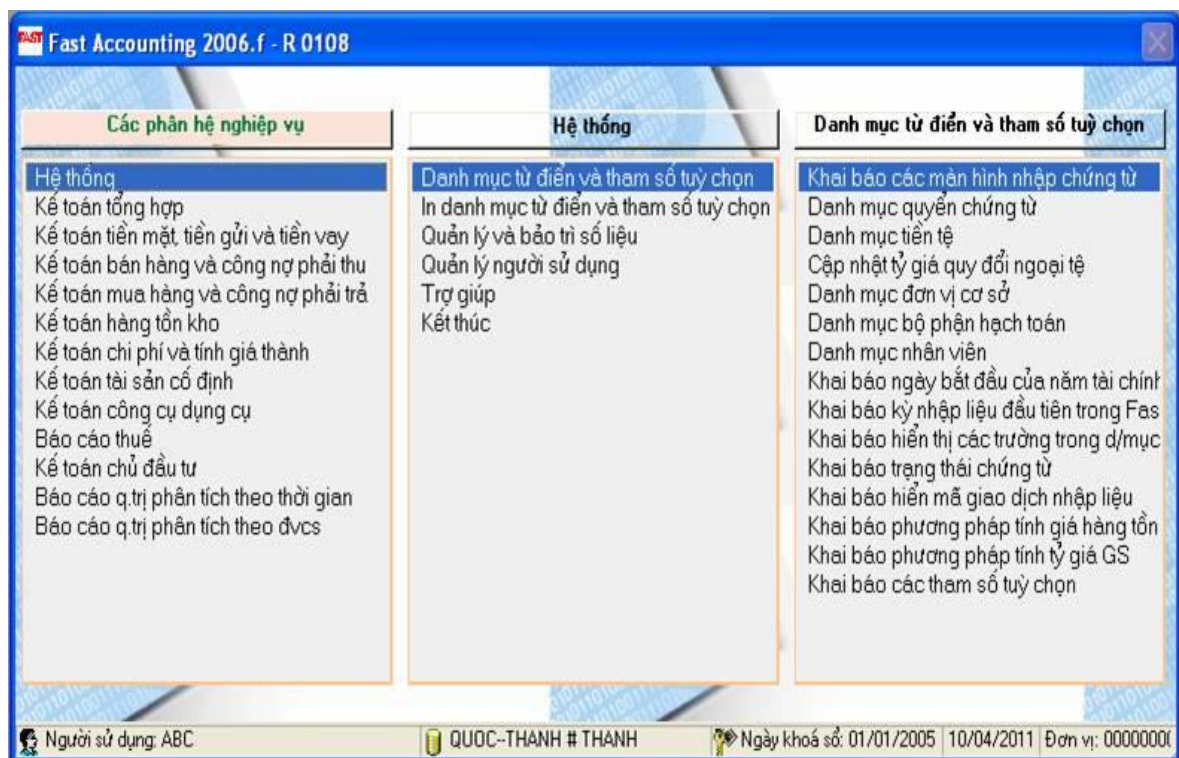


**Nhược điểm:**

–Vì có SQL nên MISA đòi hỏi cấu hình máy tương đối cao, nếu máy tính yếu thì chương trình chạy rất chậm chạp.

–Tốc độ xử lý dữ liệu chậm, đặc biệt là khi cập nhật giá xuất hoặc bảo trì dữ liệu.

–Phân hệ tính giá thành chưa được nhà sản xuất chú ý phát triển.

**❖Phần mềm kế toán Fast Accounting 2006.f****Ưu điểm:**

–Giao diện dễ sử dụng, sổ sách chứng từ kế toán cập nhật và bám sát chế độ kế toán hiện hành.

–Tốc độ xử lý rất nhanh.

–Cho phép kết xuất báo cáo ra Excell với mẫu biểu sắp xếp đẹp.

**Nhược điểm:**

–Tính bảo mật chưa cao, trong khi thao tác thường xảy ra lỗi nhỏ.

–Dung lượng lớn, người dùng khó phân biệt được data.

## KẾT LUẬN

Hoạt động sản xuất kinh doanh mang lại lợi nhuận cao là mong đợi của tất cả các doanh nghiệp nói chung và Công ty TNHH Xây dựng & Thương mại Nam Sơn nói riêng. Sự thành công của doanh nghiệp luôn gắn liền với những giải pháp đúng đắn, biết tìm hiểu và nghiên cứu thị trường, đánh giá được đúng khả năng hiện có của mình, đồng thời quản lý chi phí một cách tối đa nhất. Cải tiến công tác quản lý chi phí, đổi mới công nghệ sẽ góp phần làm cho công ty ngày càng phát triển và có hiệu quả trong tương lai.

Trên đây là một số phân tích, đánh giá và biện pháp chủ quan mà em đã mạnh dạn đề xuất để hoàn thiện công tác kế toán chi phí, doanh thu và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Xây dựng & Thương mại Nam Sơn với mong muốn công ty sẽ ngày càng phát triển vững mạnh hơn, tạo được chỗ đứng của mình trên thị trường.

Mặc dù có nhiều cố gắng, song với vốn kiến thức có hạn, thời gian nghiên cứu thực tế tại công ty chưa sâu, do đó không tránh khỏi những thiếu sót. Em rất mong nhận được sự đóng góp ý kiến của các thầy cô để bài khóa luận của em được hoàn thiện hơn.

Cuối cùng, em xin chân thành cảm ơn ban lãnh đạo Công ty TNHH Xây dựng & Thương mại Nam Sơn cùng các cô chú, anh chị phòng kế toán công ty đã giúp đỡ em rất nhiều để hoàn thành khóa luận này. Đặc biệt, em xin bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc đến cô giáo Th.s Lương Khánh Chi đã tận tình hướng dẫn em để em có thể hoàn thành đề tài nghiên cứu của mình.

*Hải Phòng, tháng 6 năm 2012*

Sinh viên thực hiện

***Phạm Thị Nhàn***



## DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Quyết định 48/2006/QĐ-BTC ban hành ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính.
2. Giáo trình kế toán tài chính (Nhà xuất bản thống kê năm 2009).
3. Chế độ kế toán doanh nghiệp quyền I & II (Nhà xuất bản lao động năm 2011)
4. Võ Văn Nhị (2006), Hướng dẫn thực hành kế toán doanh nghiệp, ghi sổ kế toán
5. Thông tin tổng hợp từ một số trang Web: [www.lib.hpu.vn](http://www.lib.hpu.vn), [www.tailieu.vn](http://www.tailieu.vn), [www.tapchiketoan.com](http://www.tapchiketoan.com) ...

